



YẾU TỐ KINH TẾ TRONG RẠN NÚT QUAN HỆ VIỆT TRUNG GIAI ĐOẠN 1972-75: PHÂN TÍCH CÁC NGUỒN LƯU TRỮ CỦA VIỆT NAM

Nguồn: Kosal Path (2011). “The Economic Factor in the Sino-Vietnamese Split, 1972–75: An Analysis of Vietnamese Archival Sources, *Cold War History*, 11:4, 519-555.

Biên dịch & Hiệu đính: Nguyễn Thị Bảo Trân

Dựa trên nguồn tài liệu lưu trữ chưa được khai thác của Việt Nam, bài viết này xem xét tác động của việc Trung Quốc cắt giảm dần dần viện trợ kinh tế cho các nỗ lực chiến tranh và phục hồi kinh tế của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ĐCCH) và tác động của nó tới quan hệ Việt Nam – Trung Quốc từ năm 1972 đến năm 1975. Trong khi việc Trung Quốc cắt giảm viện trợ cho Việt Nam ĐCCH trong giai đoạn này chủ yếu do tầm quan trọng của Bắc Việt Nam giảm sút trong chiến lược an ninh của Trung Quốc cùng với việc Trung Quốc gặp khó khăn kinh tế chủ yếu do cuộc Cách mạng Văn hóa thảm khốc trong giai đoạn 1966-1969 gây ra thì các phản ứng và các chính sách đáp trả của Hà Nội bắt nguồn từ nhận thức đã bén rễ sâu của Hà Nội về sự không chân thành và ảm ý của Bắc Kinh muốn kiềm giữ Việt Nam ở thế yếu. Mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc phát sinh sau năm 1975 là điều không thể tránh khỏi; các lãnh đạo Hà Nội ra sức đưa ra các nỗ lực ngoại giao nhằm cải thiện quan hệ kinh tế với Bắc Kinh trong năm 1975 vì họ nhận rõ tầm quan trọng của các khoản viện trợ kinh tế và các hiệp định thương mại ưu đãi của Bắc Kinh đối với kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1976-80). Tuy nhiên, việc Bắc Kinh giữ lập trường không thay đổi, quyết định gấp rút cắt toàn bộ viện trợ, đưa ra các biện pháp trừng phạt kinh tế gây bất lợi cho kế hoạch năm năm lần thứ nhất của Việt Nam vào cuối năm 1975, đồng thời tăng viện trợ quân sự cho Campuchia Dân chủ, tất cả đã đẩy Hà Nội nghiêng gần hơn về phía Matxcova.

Giới thiệu

Trong suốt cuộc Chiến tranh Việt Nam từ năm 1965 đến 1973, không thể phủ nhận viện trợ quân sự và kinh tế quy mô lớn của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam là công cụ chính trong chính sách Việt Nam của Trung Quốc, là nguồn ảnh hưởng quan trọng nhất của Bắc Kinh đối với Hà Nội.¹ Lãnh đạo Bắc Kinh sử dụng viện trợ to lớn của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam như đòn bẩy để giải quyết sự không nhất quán và mâu thuẫn về ý thức hệ của Trung Quốc, đó là một mặt Trung Quốc muốn đạt được hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ, một mặt cố gắng xoa tan nỗi lo sợ bị bỏ rơi của Hà Nội cũng như ngăn chặn Hà Nội bị lôi kéo về quỹ đạo của Liên Xô.² Theo tiết lộ của các nguồn thông tin từ phía Trung Quốc, xu hướng chung của viện trợ Trung Quốc cho Bắc Việt Nam là giảm sút trong giai đoạn 1968-70, sau đó tăng lên trong hai năm 1971, 1972, sau đó lại giảm sau khi ký Hiệp định Hòa bình Paris vào tháng Giêng năm 1973. Xu hướng này tiếp tục cho đến sau năm 1975 và sau đó sụt giảm sâu vào tháng 11 năm 1975 khi Bắc Kinh quyết định cắt viện trợ cho Hà Nội xuống còn không đáng kể. Đáng lưu ý là như học giả Li Danhui cũng như những người khác đã chỉ rõ:

[Từ năm 1971 đến 1973], dù Trung Quốc và Hoa Kỳ cải thiện đáng kể quan hệ song phương, đây cũng lại là giai đoạn Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam nhiều nhất, tổng cộng trị giá 9 tỷ Nhân dân tệ... Nếu so sánh gói viện trợ Trung Quốc cung cấp cho Bắc Việt Nam trong giai đoạn 1971-1975 với các gói viện trợ trong giai đoạn 1965-1970 thì rõ ràng Trung Quốc không hề giảm viện trợ cho Bắc Việt Nam sau khi Trung Quốc và Hoa Kỳ hòa giải quan hệ, mà thực sự con số viện trợ đã tăng lên.³

Các công trình nghiên cứu hàng đầu dựa trên nguồn tư liệu từ Trung Quốc, bao gồm *Mao's China and the Cold War [Trung Quốc của Mao và Chiến tranh Lạnh]* của tác giả Chen Jian và *China and the Vietnam Wars, 1950-1975 [Trung Quốc và Chiến tranh Việt Nam, 1950 - 1975]* của tác giả Qiang Zhai đều ủng hộ cho luận điểm trên. Tôi không phải không đồng tình với các phát hiện của những học giả này cho rằng cam kết viện trợ của Bắc Kinh đối với Bắc Việt Nam vẫn tăng đáng kể ngay cả sau khi Trung Quốc và Hoa Kỳ xích lại gần nhau vào tháng 2 năm 1972. Tuy nhiên, các công trình này tiết lộ rất ít về bản chất và mức độ bất đồng giữa Việt Nam và Trung Quốc về vấn đề xử lý và thực hiện các cam kết viện trợ khổng lồ của Bắc Kinh cho Bắc Việt Nam từ nửa sau năm 1972. Thực tế, bài viết này bổ sung các phát hiện của các học giả trên bằng cách cho thấy một bức tranh khác nhìn từ phía Hà Nội. Bài viết này cho thấy việc cung cấp viện trợ của Bắc Kinh không những không hề suôn sẻ là còn là nguyên nhân chính gây xích mích, thậm chí đối đầu nhau giữa hai phía, làm cho mối quan hệ vốn căng thẳng giữa Hà Nội và Bắc Kinh càng trở nên xấu đi trong giai đoạn 1973-1975. Hệ quả tệ hại nhất của việc này là Hà Nội nghi ngờ các lãnh đạo Bắc Kinh không chân thành trong việc hứa chuyển tiếp hàng viện trợ thiết yếu từ các nước xã hội chủ nghĩa khác, đặc biệt là Liên Xô, cho miền Bắc Việt Nam, và rằng Trung Quốc chủ yếu lấy nguyên nhân khó khăn kinh tế làm làm cái cớ để cắt giảm đáng kể các dự án do Trung Quốc tài trợ cũng như cung cấp viện trợ của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam. Khi việc sụt giảm viện trợ thực

sự xảy ra, Hà Nội quy việc giảm viện trợ của Bắc Kinh cho Bắc Việt Nam là do Trung Quốc có chủ ý kiềm giữ Việt Nam ở thế yếu.

Đóng góp chính của bài viết này cho văn liệu hiện có gồm ba khía cạnh. Thứ nhất, dù hầu hết các học giả đều thừa nhận rằng các lãnh đạo của hai nước tiếp tục gia tăng phân nân xung quanh vấn đề cung cấp viện trợ của Trung Quốc và việc Việt Nam sử dụng các khoản viện trợ này nhưng không có công trình nào đến nay giải thích đầy đủ và chi tiết về sự thay đổi ý định của Bắc Kinh đối với những cam kết viện trợ trong quá khứ dành cho Bắc Việt Nam sau khi chủ tịch Mao đạt được mục tiêu chính sách ngoại giao tối cao của mình là xích lại gần hơn với Hoa Kỳ vào tháng 2 năm 1972. Thứ hai, các nguồn tư liệu mới từ Liên Xô và Trung Quốc đã cung cấp cho chúng ta nhận thức mới về bất hòa giữa Liên Xô và Trung Quốc trong việc viện trợ cho Bắc Việt Nam trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, từ những bất đồng giữa hai nước quanh việc Liên Xô gia tăng sự can dự vào Việt Nam sau năm 1965 cho đến việc xử lý vấn đề quá cảnh hàng viện trợ từ Liên Xô và các nước khác cho Bắc Việt Nam qua ngả Trung Quốc trong suốt giai đoạn 1970-1972.⁴ Tuy nhiên chúng ta biết rất ít về mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Việt Nam về vấn đề viện trợ của Trung Quốc trong giai đoạn 1972-1975, được coi là giai đoạn chưa sáng tỏ nhất trong việc nghiên cứu quan hệ Việt– Trung. Bài viết này sẽ góp phần làm sáng tỏ giai đoạn này. Cuối cùng, nghiên cứu này đem đến những nhận thức mới về suy nghĩ của Hà Nội, phần lớn vắng bóng trong các công trình nghiên cứu hiện tại về mối quan hệ tam giác giữa Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô trong giai đoạn 1972-1975. Các nguồn thông tin lưu trữ của Việt Nam cho thấy mối bất hòa giữa hai nước về vấn đề viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam DCCCH từ năm 1972 đến năm 1975 là biểu hiện của việc Bắc Kinh không có khả năng thực hiện lời hứa viện trợ cho Bắc Việt Nam bởi tác động thảm khốc của cuộc Cách mạng Văn hóa lên nền kinh tế quốc nội của Trung Quốc và việc Việt Nam khẩn thiết cần sự giúp đỡ lớn hơn nhằm hỗ trợ cuộc tiến công nhằm giải phóng miền Nam trong lúc đẩy nhanh việc xây dựng lại kinh tế miền Bắc.

Khó khăn kinh tế của Trung Quốc không chỉ làm suy yếu khả năng tăng viện trợ của Trung Quốc mà còn khiến nước này cắt giảm viện trợ quá mức, cắt bỏ các loại lãng phí và hủy bỏ các cam kết tài trợ trước đây cho Bắc Việt Nam sau khi Hoa Kỳ và Trung Quốc xích lại gần nhau vào tháng 2 năm 1972. Các biện pháp cắt giảm gánh nặng viện trợ của Bắc Kinh trong giai đoạn 1972-1975 đã làm các nỗ lực chiến tranh cũng như việc xây dựng lại nền kinh tế của Việt Nam bị gián đoạn lớn và gặp khó khăn đến mức các lãnh đạo Hà Nội bắt đầu thấy cần phải nghiêng về phía Matxcova vào cuối năm 1975. Bài viết này dựa trên những tài liệu lưu trữ có liên quan tại Việt Nam được chia thành bốn phần: thứ nhất, phản ứng của Hà Nội đối với việc thay đổi chính sách dành cho Việt Nam của Trung Quốc sau khi Tổng thống Nixon thăm Trung Quốc vào tháng 2 năm 1972; thứ hai, bất đồng về vấn đề Trung Quốc vận chuyển viện trợ của Liên Xô và các nước khác cho Việt Nam DCCCH trong giai đoạn 1972-1974; thứ ba, bất đồng về các dự án viện trợ của Trung Quốc trong giai đoạn

1973-1975; và thứ tư, các biện pháp trừng phạt kinh tế của Bắc Kinh vào năm 1975 chống lại kế hoạch năm năm lần thứ nhất của Việt Nam.

Phản ứng của Hà Nội về việc thay đổi chính sách viện trợ Việt Nam của Trung Quốc sau khi Hoa Kỳ và Trung Quốc xích lại gần nhau vào tháng 2 năm 1972

Việc thay đổi chính sách đối với Việt Nam của Bắc Kinh sau khi Trung Quốc và Hoa Kỳ xích lại gần nhau vào tháng 2 năm 1972 chủ yếu được cho là do nhận thức của Bắc Kinh rằng mối đe dọa từ sự hiện diện của Hoa Kỳ tại Đông Dương đã giảm xuống, đe dọa an ninh từ Liên Xô ở phía Bắc tăng lên, khả năng viện trợ của Trung Quốc có thể kéo Hà Nội xa Matxcova sụt giảm, và tác động kinh tế bất lợi từ cuộc Cách mạng Văn hóa của Mao trong giai đoạn 1966-69. Sự trở mặt của Bắc Kinh cũng phản ánh tổn thất nặng nề của kinh tế Trung Quốc trong những năm đầu thập niên 1970 do những nỗ lực trước đó của Bắc Kinh trong việc trợ giúp hào phóng nhằm hậu thuẫn cho cách mạng thế giới, đặc biệt là tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, thái độ của Bắc Kinh trong việc giúp đỡ Bắc Việt Nam đã thay đổi đáng kể từ việc cam kết “cung cấp bất kỳ thứ gì cần thiết” để ủng hộ Việt Nam trong những năm chiến tranh từ 1965 đến 1972, sang việc nhấn mạnh “để cho Trung Quốc xả hơi” như lời của chính Chu Ân Lai sau khi Hiệp định Hòa bình Paris được ký kết vào tháng Giêng năm 1973.

Về tác động của cuộc Cách mạng Văn hóa đối với sức khỏe của nền kinh tế Trung Quốc, Frederick Teiwes and Waren Sun đã rất chính xác khi cho rằng việc phân bổ sai nguồn lực trong phạm vi lớn và việc phá hỏng nền kinh tế gây ra do mệnh lệnh của Mao Trạch Đông trong việc xây dựng “mặt trận thứ ba” về công nghiệp nhằm tránh cuộc tấn công có thể xảy ra từ phía Hoa Kỳ vào giữa những năm 1960 và việc Mao Trạch Đông khẳng định chuẩn bị chiến tranh chống lại Liên Xô vào năm 1969, “tác động tàn phá nhất về kinh tế là do cuộc Cách mạng Văn hóa mà ngài Chủ tịch quan tâm gây ra, không chỉ bởi cuộc cách mạng được ưu tiên hơn so với sản xuất mà còn bởi Mao sẵn sàng chịu tổn thất kinh tế trên diện rộng như một cái giá chấp nhận được cho nỗ lực chuyển hóa xã hội”.⁵ Kinh tế của Trung Quốc trong suốt thập niên diễn ra cuộc Cách mạng Văn hóa (1966-76) tụt hậu rất nhiều so với giai đoạn trước năm 1966 xét về tổng sản lượng.⁶

Đến Đại hội Đảng lần thứ 9 tổ chức vào tháng 4 năm 1969, Mao ra lệnh quay trở lại các hoạt động kinh tế vốn đã bị lên án trong hai giai đoạn 1966-1968. Vào tháng 9 năm 1970 trong một chiến dịch phê phán các hoạt động kinh tế cực tả, Chu Ân Lai tấn công tình trạng vô chính phủ tại nơi làm việc vốn gây suy yếu sản xuất, kêu gọi sự trở lại tập trung chuyên môn và nhấn mạnh sự cần thiết phải sử dụng hiệu quả nguồn lực và sản xuất có chất lượng.⁷ Tuy nhiên việc Mao khẳng định chuẩn bị chiến tranh chống lại Liên Xô và ưu tiên quan tâm chiến lược và tư tưởng tiếp tục gây lãng phí và làm rối loạn kinh tế, đồng thời làm suy yếu những nỗ lực nhằm cân bằng lại các hoạt động kinh tế của các cấp dưới có đầu óc kinh

tế hơn. Như Chen Jian đã chỉ ra, trong giai đoạn 1969-72, Bắc Việt Nam là trọng tâm của các mối quan tâm về ý thức hệ và chiến lược của Mao – mối quan hệ gần gũi hơn giữa Việt Nam và Liên Xô là mối đe dọa đối với Trung Quốc từ phía Nam và động thái hòa giải của Trung Quốc với Washington đã mâu thuẫn với chủ đề trọng tâm của Trung Quốc là “đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc Mỹ”, khiến cho Cách mạng Cộng sản Trung Quốc ở thế bất hòa với các phong trào cách mạng dân tộc khác trên thế giới.⁸ Vì những lý do này, Mao quyết tâm cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự khổng lồ cho Bắc Việt Nam trong hai năm 1971, 1972 để đạt được mục tiêu chiến lược kép nhằm vừa tìm cách xích lại gần với Hoa Kỳ nhằm chống lại mối đe dọa từ Liên Xô, vừa tăng cường viện trợ kinh tế, quân sự cho Bắc Việt Nam chống lại Hoa Kỳ để xoa tan sự lo sợ của Hà Nội về việc bị Trung Quốc bỏ rơi.⁹ Trong giai đoạn 1971-73, trong khi Chu Ân Lai, khi đó là Thủ tướng Quốc Vụ Viện (tức Chính phủ), đang bị áp lực nặng nề cần phải giảm viện trợ để hồi sinh nền kinh tế, Mao lại tiếp tục nhấn mạnh cuộc cách mạng thế giới và đốc thúc tăng thêm viện trợ cho các cuộc đấu tranh cách mạng ngoài nước. Kết quả là viện trợ nước ngoài của Trung Quốc trung bình chiếm 7% GDP của Trung Quốc trong năm 1971, tăng từ mức 1% tổng chi tiêu của nước này trong kế hoạch năm năm lần thứ nhất và thứ hai, trong khi sức khỏe của nền kinh tế thì ngày càng sa sút trầm trọng.¹⁰ Trong suốt thời gian này, Mao cử Chu Ân Lai đến Hà Nội từ 5 đến 8 tháng 3 năm 1971 để trấn an lãnh đạo Hà Nội về cam kết của Trung Quốc ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ của Việt Nam, và ra hướng dẫn về việc tăng viện trợ kinh tế và quân sự khổng lồ của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam để xoa tan nỗi sợ bị Trung Quốc bỏ rơi như là một hệ quả trực tiếp của việc Trung Quốc hòa giải với Hoa Kỳ.¹¹ Tuy nhiên, sau khi Hiệp định Hòa bình Paris được ký vào tháng 1 năm 1973, chính sách viện trợ của Trung Quốc đối với Bắc Việt Nam lại nhấn mạnh xu hướng cắt giảm từ từ và giảm dần can dự, và mối quan hệ Việt – Trung nhanh chóng lạnh nhạt. Lời giải thích chính của Trung Quốc cho việc cắt giảm này là do kinh tế Trung Quốc khó khăn. Nhìn bề ngoài điều này có vẻ đúng, như Shen Zhihua, người tham gia vào việc sắp xếp hàng viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam đã chỉ ra: “từ đầu những năm 1970, tác động thâm khốc của cuộc Cách mạng Văn hóa lên kinh tế Trung Quốc trở nên ngày càng rõ, khiến Trung Quốc thực sự không thể đáp ứng nhu cầu viện trợ ngày càng tăng của Việt Nam.”¹² Tuy nhiên, đối với các lãnh đạo Hà Nội, đây đơn giản chỉ là cái cớ mà thôi.

Theo quan điểm Hà Nội, dấu hiệu thay đổi thái độ của Bắc Kinh đối với vấn đề “viện trợ khẩn cấp” cho Bắc Việt Nam bắt đầu xuất hiện không lâu sau khi Tổng thống Nixon rời Trung Quốc vào tháng 2 năm 1972. Đầu tiên, Hà Nội rất ngạc nhiên khi vào ngày 25 tháng 2 năm 1972 Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại của CHND Trung Hoa đã bổ nhiệm Lian Dian Jun thay thế Yang Yong Jie, người đã ở Hà Nội từ năm 1969 trên cương vị Đại diện Kinh tế của Trung Quốc tại Việt Nam DCCCH. Tất cả các đại diện phụ trách vấn đề kinh tế của Trung Quốc tại Việt Nam DCCCH trước đây đều tại chức khoảng 4 đến 5 năm. Sau đó Yang Yong Jie được thăng chức lên Thứ trưởng của Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại. Từ năm 1965, để

đáp ứng nhu cầu viện trợ cấp bách của Việt Nam, một cơ cấu “phân phối hàng hóa” tập trung đã được thiết lập để đánh giá nhu cầu của Việt Nam, phần lớn được thực hiện thông qua văn phòng phụ trách các vấn đề kinh tế của Đại Sứ Quán Trung Quốc tại Hà Nội cũng như qua việc cử các nhóm tư vấn và các đội điều tra đặc biệt đến tận nơi.¹³ Chính vì vậy, Lian Dian Jun, trên cương vị trưởng cơ quan đặc biệt này tại Đại Sứ Quán Trung Quốc, trở thành tai mắt của Bắc Kinh tại Việt Nam. Ngoài việc phụ trách quan hệ thương mại của Trung Quốc với Bắc Việt Nam, Lian Dian Jun còn phụ trách việc giám sát trực tiếp các chương trình viện trợ của Trung Quốc bao gồm các chuyên gia Trung Quốc và các dự án viện trợ của Trung Quốc tại Bắc Việt Nam. Xét về mức độ ảnh hưởng và tầm quan trọng to lớn của cơ quan này, lãnh đạo Việt Nam rất không hài lòng về việc bổ nhiệm của Lian Dian Jun vì họ kỳ vọng lãnh đạo Bắc Kinh sẽ cử một trong những chuyên gia Việt Nam của họ hoặc người nào đã có quan hệ cá nhân tốt với họ như trong quá khứ. Một báo cáo từ Bộ Ngoại thương Việt Nam ngạc nhiên ghi nhận: “Lian Dian Jun chưa bao giờ đến Việt Nam. Trước đây Lian Dian Jun làm đại diện kinh tế của Trung Quốc tại Châu Phi.”¹⁴

Lời giải thích có vẻ hợp lý nhất cho việc tại sao Bắc Kinh bổ nhiệm Lian Dian Jun vào thời điểm này đó là Bắc Kinh muốn gửi một tín hiệu cho Hà Nội rằng Trung Quốc cần nghỉ xả hơi trong chính sách viện trợ khẩn cấp dành cho Bắc Việt Nam. Trong những giai đoạn đầu của tiến trình Bắc Kinh hòa giải với Washington, Mao đã vận dụng viện trợ kinh tế và quân sự của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam để dụ dỗ Hà Nội đàm phán một thỏa thuận hòa bình sớm với Washington.¹⁵ Tuy nhiên theo nguồn tư liệu Việt Nam được trích dẫn dưới đây, sau khi Mao đạt được mục tiêu cao nhất trong chính sách ngoại giao, đó là xích gần lại với Hoa Kỳ vào tháng 2 năm 1972, Mao đã bắt đầu nhượng bộ trước mối bận tâm của các cấp dưới về việc cho rằng các gói viện trợ hào phóng của Trung Quốc dành cho Việt Nam ĐCCH là gánh nặng đối với nền kinh tế đang ngày càng xấu đi của Trung Quốc. Trong bối cảnh này việc Lian Dian Jun không có quan hệ cá nhân với lãnh đạo Hà Nội là điều Bắc Kinh đặc biệt mong muốn vì Bắc Kinh chủ định cử Lian Dian Jun đến Hà Nội để đảm bảo rằng trợ giúp về vật chất của Trung Quốc cho Việt Nam sẽ không bị Việt Nam lãng phí. So với người tiền nhiệm của mình, Lian Dian Jun sẵn sàng gây khó khăn hoặc đối đầu với các quan chức Việt Nam hơn rất nhiều và sẽ không lãng phí thời gian trong việc siết chặt việc Việt Nam sử dụng viện trợ của Trung Quốc.

Tuy nhiên trong khi lãnh đạo Bắc Kinh muốn ngày càng giảm gánh nặng viện trợ cho Việt Nam ĐCCH thì việc Hoa Kỳ ném bom Hà Nội và đặt mìn ở cảng Hải Phòng vào cuối mùa xuân năm 1972 lại cho Hà Nội một cơ hội khác để khai thác tội lỗi của Bắc Kinh trong việc hòa giải với Washington để có được thêm các cam kết viện trợ quân sự mới cho Việt Nam. Đối với lãnh đạo Hà Nội, việc chủ tịch Mao bắt tay với tổng thống Nixon rõ ràng là một sự phản bội các nguyên tắc cơ bản của mối quan hệ “vừa là đồng chí vừa là anh em” giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhưng các lãnh đạo Hà Nội cũng cho thấy sự lão luyện của họ trong việc lợi dụng sự nhạy cảm của Bắc Kinh đối với cáo buộc phản bội của Việt

Nam như một đòn bẩy để không những xin được thêm viện trợ quân sự tinh vi hơn, nhiều hơn mà còn yêu cầu Bắc Kinh có “biện pháp đặc biệt” để nhanh chóng và khẩn cấp cung cấp những viện trợ đó, thậm chí phải chấp nhận điều kiện rất khó chịu là cho phép tàu của Liên Xô cập cảng ở miền Nam Trung Quốc và sau đó đồng ý vận chuyển miễn phí hàng viện trợ của Liên Xô bằng đường sắt đến miền Bắc Việt Nam.¹⁶ Vào ngày 12/05/1972, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Duy Trinh yêu cầu một cuộc họp khẩn cấp với Đại sứ Trung Quốc Vương Âu Bình tại Hà Nội và yêu cầu ông ta thông báo với lãnh đạo Bắc Kinh về yêu cầu khẩn cấp của Hà Nội rằng “Trung Quốc cần xem xét việc cho phép tàu từ Liên Xô và các nước khác cập cảng Trung Quốc, chẳng hạn cảng Trạm Giang ở Hải Nam, để xuống hàng”, với lý do là Hoa Kỳ đã phong tỏa cảng Hải Phòng và những cảng khác ở miền Bắc Việt Nam nhằm cắt đường dây cung cấp hàng hóa thiết yếu từ bên ngoài, khiến cho miền Nam Trung Quốc và các cảng Trung Quốc trở thành dây cứu sinh vô cùng cần thiết cho Bắc Việt Nam.¹⁷ Vào ngày hôm sau, Chu Ân Lai đồng ý với yêu cầu đặc biệt của Hà Nội. Bức thư đề ngày 12/07 của Phó Thủ tướng Việt Nam Lê Thanh Nghị gửi Phó Thủ tướng Trung Quốc Lý Tiên Niệm nhắc lại rằng ngày 13/05 Chu Ân Lai đã hứa với Xuân Thủy rằng Trung Quốc đồng ý cung cấp viện trợ khẩn cấp bằng việc sửa chữa đường ray xe lửa, mở các tuyến đường thủy bí mật, tăng viện trợ quân sự, đẩy nhanh việc cung cấp hàng hóa và xăng dầu và gửi chuyên gia ra miền Bắc Việt Nam. Trong lá thư này, Lê Thanh Nghị nói với Phó Thủ tướng Trung Quốc Lý Tiên Niệm rằng “Chúng tôi cảm động sâu sắc bởi sự hỗ trợ hào phóng của chính phủ và nhân dân Trung Quốc dành cho Việt Nam.”¹⁸

Vào ngày 15/08/1972, Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi một lá thư khác cho Thủ tướng Chu Ân Lai, nói rằng:

Chúng tôi khẩn cấp đề nghị trong 4 tháng cuối năm 1972 Trung Quốc viện trợ thêm 3.000 xe tải và khẩn cấp cung cấp tất cả số xe tải còn lại trong kế hoạch viện trợ năm 1972 của Trung Quốc [cho Bắc Việt Nam] vào tháng 8... Chúng tôi cũng nhận thấy rằng yêu cầu trợ giúp to lớn này sẽ không tránh khỏi việc gây khó khăn cho các đồng chí Trung Quốc, nhưng chúng tôi tin rằng xét đến nhiệm vụ Tiên Tuyến – Hậu Phương của chúng ta, các Đồng chí sẽ thông cảm với lý do của chúng tôi và đáp ứng nhu cầu chúng tôi đưa ra.¹⁹

Cho đến nay không có bằng chứng gì rõ ràng xác nhận việc Bắc Kinh đã thực sự đáp ứng đề nghị của Hà Nội về mọi phương diện, nhưng theo hồ sơ lưu trữ của Bắc Kinh thì Bắc Kinh đã tăng gấp đôi số lượng phương tiện vận tải từ 4.011 cho năm 1971 lên 8.758 cho năm 1972.²⁰ Điều này cho thấy rằng yêu cầu của Phạm Văn Đồng vào tháng 8/1972 về việc viện trợ số lượng lớn xe tải vận chuyển phân nhiều đã được đáp ứng. Tuy nhiên, như các hồ sơ có liên quan của Việt Nam được trích dẫn dưới đây chỉ ra, có vẻ như sự trì hoãn của Bắc Kinh trong việc chuyển tiếp lượng hàng viện trợ lớn từ Liên Xô và các nước khác cho Việt Nam đã làm cho Hà Nội ngày càng than phiền đối với phía Trung Quốc và thậm chí cáo buộc Trung Quốc không “chân thành”. Theo quan điểm của Hà Nội, lời nói của Bắc Kinh không

đi đôi với hành động. Như chuyên biên sau đó cho thấy, những vấn đề xung quanh việc cung cấp các cam kết viện trợ to lớn của Bắc Kinh đã trở thành vấn đề gai góc càng gây thêm xích mích và ngờ vực lẫn nhau giữa hai bên hơn là cải thiện mối quan hệ giữa Bắc Kinh và Hà Nội trong nhiều năm tiếp theo.

Xét đến việc Bắc Kinh đã cam kết các gói “viện trợ quân sự đặc biệt” khổng lồ vào giữa năm 1972, thì việc bổ nhiệm Lian Dian Jun không nhất thiết có nghĩa là CHND Trung Hòa đã thay đổi chính sách đối với Hà Nội. Vai trò của Lian Dian Jun có thể là để nhằm đảm bảo viện trợ của Trung Quốc cho Hà Nội được sử dụng hiệu quả hơn. Tuy nhiên, tôi cho rằng quyết định của lãnh đạo cấp cao Bắc Kinh trong việc cung cấp “viện trợ quân sự đặc biệt” vào giữa năm 1972 không thay đổi được thực tế rằng, không giống như những người tiền nhiệm trước đây, Lian Dian Jun đã có thái độ không khoan nhượng đối với các người tương nhiệm phía Việt Nam và có nhiều quyền hành và ảnh hưởng hơn nhiều đối với việc viện trợ Trung Quốc được người Việt sử dụng như thế nào. Ngoài ra, trong đánh giá về nhu cầu kinh tế của Bắc Việt Nam, Lian Dian Jun cũng nhấn mạnh hơn nhiều tình hình kinh tế khó khăn của Trung Quốc và việc Trung Quốc không thể đáp ứng được nhu cầu đầy tham vọng của Hà Nội. Giọng điệu này rất nhất quán với lý lẽ của lãnh đạo cấp cao Trung Quốc về việc giảm viện trợ cho Bắc Việt Nam sau năm 1973.

Có vẻ như trong suốt hai năm quan trọng 1971, 1972, Chủ tịch Mao đã ra lệnh cho Thủ tướng Chu Ân Lai cung cấp bất kỳ điều gì Hà Nội yêu cầu và Chu Ân Lai cũng đích thân giám sát hàng viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam DCCCH, nhưng từ nửa sau 1972 họ bắt đầu cử cấp dưới của họ, đó là Phó Thủ tướng Lý Tiên Niệm, Phương Nghị (Bộ trưởng Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại) và Lý Cường (Bộ trưởng Bộ Ngoại thương). Đặc biệt, Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại của CHND Trung Hoa từ lâu đã có quan điểm rằng sự giúp đỡ hết sức của Trung Quốc dành cho Việt Nam DCCCH trong những năm 1965-72 đã bị phía Việt Nam lãng phí. Các chuyên gia Trung Quốc đã sang Việt Nam mà không được phân công công tác gì trong nhiều tháng, các dự án bị bỏ dở, không hoàn tất, thiết bị bị mất hoặc hư hại, vị trí dự án bị thay đổi thường xuyên mà không có lý do chính đáng. Biểu hiện rõ ràng hơn của thái độ không hài lòng của Bắc Kinh đối với Hà Nội về việc xử lý và sử dụng sai viện trợ của Trung Quốc bắt đầu xuất hiện trong hai năm sau đó. Vào ngày 15/03/1974, Phương Nghị chuyển thông điệp đến Phó Thủ tướng Việt Nam DCCCH Phan Trọng Tuệ rằng:

Việt Nam đã thay đổi địa điểm các dự án quá nhiều lần; chẳng hạn, vị trí nhà máy giấy đã thay đổi 8 lần kể từ năm 1959. Cũng như do thiếu các phương tiện lưu trữ, các thiết bị và vật liệu viện trợ mà chúng tôi gửi cho Việt Nam bị hư hỏng nghiêm trọng. Các bộ khác cũng than phiền và báo cáo lại cho lãnh đạo cấp cao của chúng tôi và bày tỏ sự phê bình của họ với Bộ chúng tôi về những lãng phí này.

Dựa theo những nguồn thông tin Việt Nam có liên quan, tầm quan trọng của việc bổ nhiệm Lian Dian Jun có hai mặt. Thứ nhất, việc Lian Dian Jun thiếu quan hệ mật thiết với lãnh đạo

Hà Nội cùng với việc ông này được bổ nhiệm ngay sau khi Trung Quốc – Hoa Kỳ xích lại gần nhau, theo quan điểm của Hà Nội, là một chỉ dấu cho thấy thái độ thay đổi của Bắc Kinh đối với chính sách viện trợ cho Việt Nam. Thứ hai, như các tài liệu của Việt Nam dưới đây nêu rõ, đánh giá của Lian Dian Jun về nhu cầu Hà Nội cần viện trợ của Trung Quốc và các báo cáo về việc Việt Nam “sử dụng lãng phí” các viện trợ vật chất của Trung Quốc đã ảnh hưởng lớn đến quyết định của Bộ Quan Hệ Kinh Tế Đối ngoại và Ngoại Thương trong việc cắt giảm quy mô viện trợ cho Bắc Việt Nam trong giai đoạn 1973-1975, khiến cho xích mích lẫn nhau giữa hai bên leo thang thành các cáo buộc và đối đầu lẫn nhau.

Không lâu sau khi đến Việt Nam, Lian Dian Jun lập một thái độ mới, đặt tất cả các dự án hiện có dưới sự xem xét kỹ lưỡng của văn phòng mình và trì hoãn các tất cả các đề xuất của Việt Nam để “xem xét và nghiên cứu thêm” như là cách thể hiện việc Bắc Kinh không phê duyệt. Lian Dian Jun yêu cầu đánh giá kỹ lại các dự án viện trợ hiện có của Trung Quốc trước khi cung cấp viện trợ thiết bị và vật liệu cho Bắc Việt Nam cho dù rất nhiều dự án trước đây đã được các chuyên gia Trung Quốc kiểm tra và phê duyệt. Ngày 20/04 Lian đề nghị với Cục Quản lý Chuyên gia Nước ngoài của Việt Nam rằng tất cả các chuyên gia Trung Quốc vẫn đang chờ phân công công tác sẽ trở về Trung Quốc; họ sẽ trở lại Việt Nam khi nào vai trò của họ được xác định rõ ràng. Lian nói thẳng thừng với người tương nhiệm Việt Nam “Thật là một sự lãng phí không cần thiết! Các chuyên gia (Trung Quốc) tiếp tục ở Việt Nam mà không được phân công công tác, một số chuyên gia của chúng tôi đã đến và ở Việt Nam đã 9 tháng rồi”.²² Ông phàn nàn rằng “phía Việt Nam đã chậm giải quyết vấn đề này”.²³ Vào tháng 5, Lian yêu cầu phía Việt Nam thông báo ngay lập tức cho văn phòng của mình cần bao nhiêu chuyên gia và bao nhiêu chuyên gia sẽ phải gọi về Trung Quốc. Theo báo cáo hàng tuần của Bộ Ngoại thương, số lượng các chuyên gia Trung Quốc đã giảm mạnh từ tháng 5 đến tháng 12/1972 từ 698 xuống còn 73, chỉ trong tháng 6 và tháng 7, tổng cộng 486 chuyên gia Trung Quốc được gọi về nước mặc cho Hà Nội có yêu cầu họ tiếp tục ở lại.²⁴ Phía Trung Quốc viện lý do là cuộc chiến ngày càng khốc liệt và việc Mỹ bỏ bom đặt các chuyên gia Trung Quốc dưới tình trạng nguy hiểm chết người cũng như cản trở họ hoàn thành công việc.

Đáp lại yêu cầu của Việt Nam về việc khôi phục và xây dựng các nhà máy công nghiệp và yêu cầu viện trợ cho nhu cầu thiết bị cơ bản cho năm 1973, Lian chỉ báo cáo với Bắc Kinh rằng “chúng tôi (người Trung Quốc) đã nghiên cứu nhưng đề xuất của các đồng chí Việt Nam lên đến 82 dự án [cho năm 1973] là quá nhiều”. Cũng trong tinh thần đánh giá này, Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại của Trung Quốc thông báo cho Bộ Ngoại thương Việt Nam vào ngày 10/2/1973 như sau:

Chúng tôi đã xem xét đề xuất của các đồng chí. Dựa trên thực tế tái xây dựng sau chiến tranh và khả năng thực tế mà chúng tôi có thể viện trợ, chúng tôi chỉ có thể giúp xây dựng 45 dự án cho năm 1973 [cắt giảm gần 50% so với con số dự án mà Việt Nam đề nghị] và viện trợ phần còn lại vào năm 1974. Các đồng chí phải lựa chọn các dự án mà

cả hai bên đều đồng ý trước đó và phải thực tế hơn. Về việc gửi các chuyên gia Trung Quốc đến đánh giá và khôi phục các nhà máy bị hư hỏng, chúng tôi có thể đáp ứng nhu cầu của các đồng chí, nhưng về vấn đề viện trợ máy móc thiết bị và nguyên vật liệu, chúng tôi cần có kế hoạch rõ ràng và chỉ sau khi có kế hoạch rõ ràng chúng tôi mới có thể cung cấp viện trợ. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu các yêu cầu của các đồng chí.²⁵

Thứ hai, tầm quan trọng chiến lược của Bắc Việt Nam trong chính sách an ninh của Bắc Kinh bắt đầu sụt giảm sau khi Trung Quốc và Hoa Kỳ xích lại gần nhau vào năm 1972. Sự thay đổi thái độ của Trung Quốc không phải là không được các quan chức Việt Nam vốn thường xuyên đi thăm Trung Quốc nhận biết. Trong báo cáo vào tháng 10/1972 đến Thủ tướng, Văn Trọng, trưởng phái đoàn khảo cổ học Việt Nam, vừa trở về từ chuyến viếng thăm nhiều thành phố và thị xã ở Trung Quốc trong thời gian từ 19/8 đến 8/9, quan sát sau khi Tổng thống Nixon rời Trung Quốc như sau:

Người bạn xã hội chủ nghĩa thân nhất [của Trung Quốc] là Bắc Triều Tiên. Ngoài Triều Tiên là Anbani và Rumani [ám chỉ Bắc Việt Nam không nằm trong số 3 nước yêu thích nhất của Trung Quốc]. Tờ *Nhân Dân Nhật Báo* dành hẳn cả một trang để in các bài về đồng chí Kim Nhật Thành, tuy nhiên bài về chiến tranh Việt Nam chống Mỹ thường chỉ chiếm nửa trang. Và các tin này thường chỉ chiếm một hoặc hai cột trên trang 5 hoặc trang 6. Nhiều tờ báo tiếng Trung khác trích dẫn các nguồn tin về chiến dịch bỏ bom phá hoại miền Bắc Việt Nam bằng cách ghi rõ “Dựa theo thông tin từ báo chí Việt Nam” hoặc “Theo báo chí Việt Nam”. Với cách trích dẫn như vậy, Trung Quốc không phản ánh quan điểm của mình. Các quan chức sứ quán của chúng ta nói với chúng tôi rằng Trung Quốc luôn tránh chỉ thẳng vào tội ác của Hoa Kỳ [tại Việt Nam]. Tại thư viện của Viện Dân Tộc Học tại Bắc Kinh, các tác phẩm của Kim Nhật Thành được đặt lên đầu kệ trong khi các tác phẩm của Hồ Chí Minh được đặt ở kệ thấp hơn. Bức ảnh chân dung của Hồ Chí Minh biến mất trong khi ảnh chân dung của Kim Nhật Thành được trưng bày công khai.²⁶

Tuy nhiên trong suốt chuyến thăm của Nixon đến Trung Quốc, lãnh đạo Hà Nội cẩn trọng kiểm chế các chỉ trích chính sách hòa giải của Bắc Kinh đối với Hoa Kỳ. Lãnh đạo Đảng Lao Động Việt Nam (VWP) chỉ thị tất cả các phái đoàn của Việt Nam đến Trung Quốc phải kiểm chế chỉ trích công khai chính sách của Bắc Kinh và duy trì tinh thần đoàn kết anh em với Trung Quốc. Tương tự, lãnh đạo Bắc Kinh cũng khuyên các cán bộ của mình cẩn trọng – tránh quá hồ hởi về chuyến thăm của Nixon đến Trung Quốc trước mặt các quan khách Việt Nam. Báo cáo của Văn Trọng gửi đến Thủ tướng nhận xét rằng:

Tại Hàng Châu, trong khi đưa chúng tôi đi thăm một công viên công cộng, một lãnh đạo quan chức địa phương Trung Quốc đã lỡ miệng nói với chúng tôi rằng “Vợ của Nixon cũng đã được đưa đến đây trong chuyến thăm của bà ấy” và một đồng chí Trung Quốc từ Trung ương đưa ông ấy ra ngoài và nói nhỏ vào tai, sau đó ông ấy bị “khiến trách”. Nói tóm lại, các đồng chí Trung Quốc không muốn lên án Nixon. Và họ cũng không

muốn nhắc về việc họ nồng nhiệt tiếp đón Nixon vào tháng Hai. Họ luôn tránh nói về hai điều này.²⁷

Thứ ba, để giảm bớt gánh nặng viện trợ của Trung Quốc dành cho Việt Nam, Bắc Kinh hối thúc Hà Nội đa dạng hóa quan hệ kinh tế với các nước tư bản chủ nghĩa, chủ yếu là Nhật Bản, trong khi đó khuyến các lãnh đạo Hà Nội yêu cầu Liên Xô viện trợ với số lượng lớn hơn. Vào đầu năm 1972, Trung Quốc đề nghị sẽ cung cấp phương tiện lưu trữ và vận chuyển miễn phí hàng hóa quá cảnh từ Liên Xô sang Việt Nam. Theo lời giải thích của Li Dianhui:

Chẳng hạn, Nguyên soái Diệp Kiếm Anh, một ủy viên Bộ Chính trị đồng thời là Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương đã nói với Lý Ban và những người khác rằng Việt Nam nên yêu cầu Liên Xô gởi vũ khí, thực phẩm và các hàng hóa hữu dụng khác, nói chung là mọi thứ, càng nhiều càng tốt. Những thứ này có thể được lưu kho tại Trung Quốc khi không thể được chuyển [sang Việt Nam] ngay lập tức.²⁸

Như Li Dianhui đã chỉ ra, Bắc Kinh áp dụng chính sách này để làm nhẹ bớt gánh nặng của mình, và cũng có ý định dùng cơ hội này để tạo mâu thuẫn giữa Matxcova và Hà Nội.

Chỉ vài tháng sau khi Nhật Bản và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ vào tháng Giêng – tháng Hai năm 1973, lãnh đạo Trung Quốc bắt đầu khuyến khích Hà Nội thiết lập quan hệ thương mại với Nhật Bản. Tiếp theo những lời khuyến đó, lần đầu tiên Hà Nội bắt đầu thăm dò quan hệ kinh tế với Nhật Bản. Vào đầu năm 1973, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam được chấp thuận đón tiếp 3 nhà ngoại giao từ Vụ Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương của Bộ Ngoại giao Nhật đến “thảo luận nhiều vấn đề liên quan đến quan hệ thương mại song phương giữa hai nước”.²⁹ Mặc dù Hà Nội vẫn còn nghi ngại về động cơ chính trị của Nhật Bản tại thời điểm này, họ bắt đầu xem Nhật Bản như một đối tác kinh tế quan trọng đối với Việt Nam. Như Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam ĐCCH ghi nhận:

Động cơ chính của Nhật Bản đối với Việt Nam ĐCCH là dùng ảnh hưởng kinh tế của họ để tăng cường ảnh hưởng chính trị, nhưng đồng thời, [họ] cũng muốn làm ăn lâu dài với chúng ta. Họ cũng muốn dùng Bắc Việt Nam như cầu nối để họ mở rộng hoạt động kinh tế sang Lào và Campuchia và Nam Việt Nam.³⁰

Vào ngày 6/4/1973, trong khi ở Bắc Kinh, Lý Ban, Thứ trưởng Bộ Ngoại thương của Việt Nam ĐCCH đồng thời là phái viên kinh tế cao cấp của Hà Nội, gửi một bức điện khẩn về văn Phủ Thủ tướng, thông báo Trung Quốc đồng ý cho phái đoàn Việt Nam gồm 38 quan chức của Bộ Ngoại thương ngay lập tức đi Bắc Kinh để học hỏi kinh nghiệm của Trung Quốc về việc mở cửa kinh tế với các nước tư bản chủ nghĩa.³¹ Vào tháng 3/1974, khi Phan Trọng Tuệ chuyển yêu cầu của Bộ Chính trị về việc viện trợ khẩn cấp phân bón và thép, vốn rất cần cho nông nghiệp và công nghiệp của Việt Nam, Chu Ân Lai đã khuyến Phan Trọng Tuệ nên mua từ Nhật Bản. Chu nói với Phan Trọng Tuệ rằng “chúng tôi phải nhập khẩu lượng lớn phân bón của chúng tôi từ Nhật Bản”, và Lý Cường, có mặt trong buổi họp, thêm

vào: “Đối với việc sản xuất phân bón của chúng tôi, chúng tôi chỉ có thể đáp ứng nhu cầu trong nước và bây giờ Nhật Bản đòi giá cao hơn cho phân bón chúng tôi nhập khẩu từ họ”.³²

Tóm lại, không lâu sau khi Trung Quốc – Hoa Kỳ xích lại gần nhau vào tháng 2/1972, lãnh đạo Hà Nội bắt đầu nhận thức rõ sự thay đổi dần dần trong chính sách viện trợ của Trung Quốc đối với Việt Nam DCCH từ cam kết trước đây là “cung cấp bất cứ thứ gì cần thiết để đáp ứng nhu cầu của Việt Nam” sang nhấn mạnh việc giảm dần gánh nặng cho Trung Quốc. Giả thiết “sự phản bội của Trung Quốc” tỏ ra là một công cụ hữu hiệu để Hà Nội moi thêm viện trợ quân sự lớn hơn từ Bắc Kinh, đặc biệt là sau khi Mỹ đặt mìn ở Hải Phòng vào tháng 5/1972. Như diễn biến sau này cho thấy, dù Bắc Kinh đồng ý cam kết viện trợ quân sự lớn cho Hà Nội trong nửa sau năm 1972, các vấn đề xung quanh việc cung cấp viện trợ này đã trở thành nguyên nhân chính gây ra xích mích giữa hai bên.

Mâu thuẫn về vấn đề quá cảnh viện trợ vật chất từ các nước khác, giai đoạn 1972–74

Trong hai năm 1971 và 1972, lãnh đạo Bắc Kinh thay đổi lập trường của họ một cách đáng kể đối với sự can dự ngày càng tăng của Matxcova vào Việt Nam từ quan hệ hợp tác thụ động sang chủ động khuyến khích.³³ Bắc Kinh đưa ra 4 đề xuất để gây áp lực buộc Liên Xô gia tăng việc chuyển viện trợ: 1) vào tháng Giêng, Ba, Tư năm 1972, Trung Quốc ký thỏa thuận đồng ý chịu tất cả chi phí vận chuyển vật liệu đặc biệt từ Liên Xô sang Việt Nam trong suốt năm 1972; 2) Trung Quốc đồng ý cho phép các chuyên gia Liên Xô hộ tống các “vật liệu đặc biệt” vận chuyển qua ngả Trung Quốc; 3) Trung Quốc cho phép tàu chở hàng của Liên Xô và các nước châu Âu khác bốc dỡ hàng hóa của họ tại các cảng Trung Quốc; 4) Trung Quốc một lần nữa bắt đầu lưu trữ hàng viện trợ gửi từ Liên Xô và các nước khác cho Việt Nam.³⁴ Li Danhui lập luận rằng:

Dù áp dụng chính sách này nhằm giảm gánh nặng cho mình, Trung Quốc cũng có ý định dùng cơ hội này để tạo mâu thuẫn giữa Liên Xô và Việt Nam. Trung Quốc hy vọng rằng Việt Nam không hài lòng với việc Liên Xô không có khả năng đáp ứng các yêu cầu của mình, sẽ có thái độ không hài lòng với Liên Xô, vì thế sẽ bắt đầu gia tăng bất đồng và xích mích với phe Liên Xô.³⁵

Nếu đây thật sự là ý định của Bắc Kinh thì rõ ràng là nó đã phản tác dụng. Chính việc Bắc Kinh không giữ lời hứa đã khiến Hà Nội đặt dấu hỏi về sự chân thành của Bắc Kinh và làm cho sự thiếu tin cậy lâu nay của Việt Nam đối với Trung Quốc trở nên bộc phát.

Sau khi cảng Hải Phòng bị Hoa Kỳ đặt mìn phá hoại nặng nề vào tháng 5/1972, việc vận chuyển hàng hóa qua ngả Trung Quốc trở nên trọng yếu đối với nỗ lực chiến tranh của Việt Nam. Tất cả các viện trợ nước ngoài dành cho Việt Nam đều phải đi qua các cảng ở miền Nam Trung Quốc và người Trung Quốc vận chuyển chúng trên những chiếc xà lan dọc theo bờ biển và bằng xe lửa, xe tải xuyên biên giới phía Bắc Việt Nam, đồng thời cố gắng

tránh bị các lực lượng vũ trang của Hoa Kỳ đánh chặn. Vào giữa năm 1972 các lãnh đạo Hà Nội bắt đầu quan tâm nhiều hơn về việc bằng cách nào lấy được viện trợ nhiều nhất từ Liên Xô và các nước Đông Âu; vì vậy họ yêu cầu Bắc Kinh dỡ hàng hóa gửi từ các nước này tại các cảng Trung Quốc, lưu trữ chúng tại Trung Quốc và vận chuyển chúng đến Bắc Việt Nam. Các lãnh đạo Hà Nội cũng cho phép Bắc Kinh sử dụng một số viện trợ nguyên vật liệu và trả lại cho Việt Nam sau này do họ thiếu phương tiện lưu trữ.³⁶ Như vậy thì làm thế nào lại xảy ra bất đồng trong quan hệ Việt– Trung quanh vấn đề chuyển tiếp hàng hóa viện trợ này?

Li Danhui chỉ ra hai yếu tố quan trọng nhất gây mâu thuẫn và chậm trễ trong vấn đề chuyển tiếp hàng viện trợ. Thứ nhất, Việt Nam luôn tin rằng càng nhiều hàng viện trợ càng tốt và không giới hạn yêu cầu trong phạm vi các loại hàng hóa cần khẩn cấp nhất, trong khi Trung Quốc đặt giới hạn chặt chẽ cho tất cả các loại hàng hóa viện trợ cho Bắc Việt Nam ngoại trừ thực phẩm, thép, xăng dầu, và đường. Dựa vào tài liệu lưu trữ của ngành Đường sắt Trung Quốc về các biên bản họp giữa Bộ trưởng Trung Quốc Lý Cường và người tương nhiệm Việt Nam Lý Ban vào ngày 27/06/1972, Li Danhui viết “Việt Nam yêu cầu ngoài 600.000 tấn hàng hóa, Trung Quốc cho phép chuyển sang Việt Nam 300.000 tấn khoáng sản, một yêu cầu ngay lập tức bị phía Trung Quốc từ chối”. Thứ hai, Trung Quốc không muốn hàng hóa ở lại Trung Quốc quá lâu gây áp lực lưu trữ lên các kho lưu trữ vốn hạn chế.³⁷ Các nguồn tài liệu của Việt Nam chứng minh lý do đầu tiên của Li, nhưng nghi ngờ lý do thứ hai, qua đó cho thấy sự gia tăng hoài nghi của Hà Nội đối với sự chân thành của Bắc Kinh trong việc xử lý hàng hóa do các nước khác viện trợ cho Việt Nam, đặc biệt là đối với một số lượng lớn xăng dầu từ Liên Xô.³⁸ Sau Hiệp định Hòa bình Paris vào tháng Giêng 1973, khi Việt Nam ngày càng thất vọng về sự trì hoãn của Trung Quốc trong việc chuyển tiếp hàng viện trợ, lãnh đạo Hà Nội bắt đầu nghi ngờ Trung Quốc giữ lại và lạm dụng hàng hóa viện trợ của mình và họ yêu cầu Bắc Kinh phải nhanh chóng vận chuyển số hàng viện trợ còn lại sang Bắc Việt Nam. Việc liên tục dò xét và chất vấn của Việt Nam rõ ràng cho thấy Việt Nam không tin tưởng Bắc Kinh, và thái độ đó được các lãnh đạo Bắc Kinh diễn giải rằng điều đó xúc phạm đến uy tín đạo đức của họ, vốn là mục đích cao nhất mà họ cố gắng đạt được thông qua các chương trình viện trợ hào phóng dành cho Bắc Việt Nam kể từ đầu những năm 1950.

Từ tháng 5/1972 đến tháng 5/1973, số lượng hàng hóa từ các nước khác trung chuyển tại Thượng Hải, Hoàng Phố và Trạm Giang, Hải Nam (Trung Quốc) là 646.276 tấn, trong số đó 247.478 tấn là xăng dầu và 398.789 tấn hàng hóa khô. Chỉ riêng hàng viện trợ từ Liên Xô tổng cộng là 525.882 tấn, chiếm gần 80% tổng viện trợ từ khối xã hội chủ nghĩa. Theo báo cáo thống kê của Việt Nam DCCCH, Việt Nam chỉ nhận từ Trung Quốc 317.426 tấn và 328.850 tấn còn ở lại Trung Quốc vào cuối tháng 3/1973. Như vậy, hơn 50% hàng hóa viện trợ từ các nước khác bị kẹt ở Trung Quốc (xem Bảng 1). Sau những yêu cầu lập đi lập lại, Bộ trưởng Bộ Ngoại thương của CHND Trung Hoa Lý Cường và Bộ trưởng Bộ Giao

thông Guo Lu than phiền với Phan Trọng Tuệ vào ngày 7/3/1974 rằng Việt Nam không có khả năng vận chuyển hoặc nhận số lượng hàng hóa lớn như vậy và thiếu phương tiện lưu trữ phù hợp để cất giữ chúng. Lý Cường khuyên người tương nhiệm Việt Nam phải ngay lập tức giải quyết các hạn chế này.³⁹ Cùng lúc đó Lý Cường thừa nhận với Phan Trọng Tuệ rằng phía Trung Quốc đã chưa làm tốt công việc vận chuyển và phân phát hàng viện trợ cho Việt Nam.⁴⁰ Than phiền của Bắc Kinh có vẻ như nhất quán với lời thừa nhận của chính Hà Nội rằng “do khả năng nhận hàng kém của chúng tôi [ý nói phương tiện vận chuyển và lưu trữ], từ đầu năm đến nay [tháng 6/1973], việc vận chuyển hàng hóa từ Trung Quốc chậm hơn trước đây, trung bình chúng tôi chỉ có thể nhận được trên dưới 15.000 tấn một tháng”.⁴¹ Trách phía Việt Nam thiếu kiên nhẫn và không chuẩn bị sẵn sàng, Chu Ân Lai nói với Phan Trọng Tuệ trong chuyến thăm Trung Quốc của Phan Trọng Tuệ vào đầu tháng 3/1974 rằng:

Tất cả các máy móc thiết bị và nguyên vật liệu trên thực tế không thể đến Việt Nam ngay vì chúng cần phải được sắp xếp [vì vậy mất thời gian]. Phần lớn hàng hóa đã đến Yan Yuan [phía bên kia biên giới Trung Quốc] và các đồng chí cần chuẩn bị thêm phương tiện lưu trữ vì mùa mưa đang đến gần. Nếu không, hàng hóa sẽ bị hư hại.⁴²

Về việc vận chuyển nguyên vật liệu qua biên giới phía Tây, Hà Nội yêu cầu Bắc Kinh vận chuyển hàng hóa viện trợ của mình từ Thượng Hải đến tỉnh Vân Nam và sau đó vận chuyển bằng xe lửa xuống Bắc Việt Nam qua ngã Lào Cai. Đáp lại, Lý Cường nói với Phan Trọng Tuệ rằng “Đề nghị của các đồng chí không thực tế” vì kết nối bằng đường sắt sẽ rất dài và khó, và nói rằng “qua ngã Lào Cai, chúng tôi chỉ có thể vận chuyển hàng nội địa Trung Quốc từ tỉnh Vân Nam”.⁴³ Lãnh đạo Hà Nội muốn Trung Quốc có “biện pháp đặc biệt” để đẩy nhanh việc vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu viện trợ từ các nước khác trung chuyển qua các cảng Trung Quốc, nhưng khi đề xuất sau bị từ chối, họ nghi ngờ phía Trung Quốc muốn ưu tiên vận chuyển hàng hóa của mình hơn hàng viện trợ từ các nước khác cho Việt Nam.⁴⁴

Ngoài những trì hoãn, việc Hà Nội bắt đầu nghi ngờ Bắc Kinh lạm dụng hàng viện trợ của mình còn liên quan đến vấn đề vận chuyển nhiên liệu do Liên Xô viện trợ. Bộ trưởng Bộ Ngoại thương Việt Nam DCCCH nêu mối quan tâm nghiêm túc về số 247.487 tấn nhiên liệu còn nằm lại ở Trung Quốc (xem Bảng 1). Điều quan trọng cần lưu ý là Bắc Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào nguồn cung cấp nhiên liệu của nước ngoài và Liên Xô là nguồn cung cấp nhiên liệu viện trợ lớn nhất cho Bắc Việt Nam từ năm 1965 đến 1972. Vào ngày 29/6/1973, Bộ trưởng Bộ Ngoại thương báo cáo với Thủ Tướng rằng:

Về vấn đề nhiên liệu, các đồng chí Trung Quốc đã chuyển cho chúng ta qua ống dẫn dầu cùng với nhiên liệu do Trung Quốc viện trợ và trộn lẫn hàng hóa viện trợ kinh tế cùng với hàng viện trợ quân sự. Chúng ta cần phải xác minh lại với họ và làm rõ mọi thứ... Trung Quốc sẽ không làm điều đó [vận chuyển] miễn phí và vì vậy chúng tôi đề xuất một phái đoàn Việt Nam nên đóng tại các cảng Trung Quốc để phối hợp với các

quan chức Trung Quốc và theo dõi sát sao việc chuyển tiếp hàng hóa các nước khác viện trợ cho chúng ta.⁴⁵

Theo một báo cáo của Bộ Ngoại thương vào tháng tháng 6/1973, những hàng hóa quan trọng nhất còn nằm ở Trung Quốc là xăng và dầu diesel (khoảng 240.000 tấn nhiên liệu đã được nhận nhưng hơn 320.000 tấn còn nằm ở Trung Quốc, chiếm khoảng 60% tổng số lượng), thép (đã nhận hơn 48.000 tấn, còn 28.000 tấn, khoảng 30%), máy móc (đã nhận gần 8.000 tấn, còn 6.500 tấn, hơn 40%), và hàng tạp hóa (đã nhận gần 9.500 tấn, còn gần 7.000 tấn, khoảng 40%) (xem Bảng 1). Báo cáo ghi nhận rằng “Số hàng còn lại ở Trung Quốc là thép, máy móc thiết bị và nguyên vật liệu... Trong số đó, có các hàng hóa mà chúng ta cần gấp cho sản xuất, xây dựng, và hàng hóa thiết yếu cho sinh hoạt.”⁴⁶ Điều này cho thấy lãnh đạo Hà Nội rất thất vọng việc Bắc Kinh trì hoãn kéo dài việc chuyển tiếp hàng viện trợ rất cần thiết cho nỗ lực chiến tranh của họ ở miền Nam và xây dựng lại kinh tế ở miền Bắc.

Vào ngày 30/07/1973, Hà Nội quyết định gửi một phái đoàn của mình bao gồm 9 thành viên đến Trung Quốc làm việc trong 2 tháng để làm rõ chi tiết số lượng hàng viện trợ cho Việt Nam còn nằm lại ở các cảng Trung Quốc, thu thập các chứng từ hàng hóa của mỗi chuyến tàu sau khi chúng cập cảng Trung Quốc, và xác minh số liệu thống kê số hàng hóa đã chuyển sang Việt Nam và số còn nằm lại Trung Quốc. Hà Nội cũng yêu cầu kế hoạch chi tiết cho việc nhanh chóng và kịp thời vận chuyển hàng hóa quan trọng cho Việt Nam DCCH.⁴⁷ Vào ngày 23/2/1974, Phan Anh, Bộ trưởng Bộ Ngoại thương của Việt Nam DCCH, đã gặp đại sứ Trung Quốc Vương Âu Bình tại Hà Nội để bàn về kế hoạch của Việt Nam nhận hàng viện trợ trong năm 1974. Sau đó, từ 1 đến 12/3, Bộ Chính trị Đảng Lao Động Việt Nam gửi quan chức cấp cao là Phan Trọng Tuệ, Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, đến Bắc Kinh để hội đàm toàn diện với Chu Ân Lai, Phương Nghị, Lý Cường và Guo Lu.⁴⁸

Cuộc hội đàm giữa Phan Trọng Tuệ và Lý Cường vào 7/3/1974 ở Bắc Kinh đã biểu lộ sự không hài lòng của Hà Nội đối với việc Bắc Kinh xử lý và phân phát hàng viện trợ Việt Nam.⁴⁹

Lý Cường: Khi hàng hóa đến biên giới [Việt Nam – Trung Quốc] các đồng chí Việt Nam không nên chọn loại hàng nào để lấy trước rồi để những thứ khác lấy sau, mà nhận chúng theo thứ tự hàng đến. Trước đây có xảy ra trường hợp các đồng chí Việt Nam chỉ nhận một số hàng hóa và để những hàng hóa khác lại biên giới.

Phan Trọng Tuệ: Những sự việc như vậy có xảy ra vì trước đây chúng ta chưa bàn thảo kế hoạch chung một cách đầy đủ.

Lý Cường: Trước đây chúng tôi trao đổi kế hoạch với đồng chí Tuong [Nguyen Bang Tuong tại Đại Sứ Quán Việt Nam tại Bắc Kinh], nhưng cơ quan phụ trách nhận hàng của Việt Nam không quan tâm. Vào thời điểm đó, có một trận đánh và chúng tôi hiểu.

Bảng 1: Số liệu thống kê hàng viện trợ trung chuyển qua các cảng Trung Quốc (từ 5/1072 đến 5/1973)

Hàng hoá cập cảng Trung Quốc						
Chủng loại	Thượng Hải	Hoàng Phố	Trạm Giang	Tổng cộng	Hàng hóa đã đến Việt Nam	Hàng hóa còn tồn lại Trung Quốc
	274.450	94.068	277.758	646.276	317.426	328.850
Xăng	71.092	3.701	-	74.793	-	74.793
Dầu Diesel	138.163	-	32.118	170.281	-	170.281
Thép	3.3857	13.243	28.004	75.104	46.969	28.135
Phân bón	6.078	36.248	10.761	53.087	48.632	4.445
Hóa chất	2.347	6.279	896	9.522	6.539	2.983
Đạn dược	-	1.943	-	1.943	526	1.417
Hàng linh tinh						
Bột	-	1.031	144.821	145.852	14.2007	3.845
Gạo	-	-	17.708	17.708	16.410	1.298
Đường	1.872	-	27.425	29.297	18.693	10.604
Các thực phẩm khác	15	740	1.319	2.074	2.005	69
Mỡ heo	1.075	970	-	2.045	1.489	556
Sữa	195	172	208	575	420	155
Thực phẩm đóng hộp	231	439	122	792	686	106
Hàng thủ công	105	9	2	116	116	-
Máy móc	4.070	6.409	3.790	14.269	7.757	6.512
Thiết bị	1.094	4.014	1.797	6.905	1.100	5.805
Hàng tạp hóa	9.373	3.009	3.873	16.255	9.428	6.827
Đồ gỗ	-	746	-	746	746	-
Hàng quyên góp từ thiện	825	913	35	1.773	1.200	573
Viện trợ cho Lào	3024	138	1.861	5.023	1.200	3.823
Hàng ngoại giao	6	37	2	45	-	45

Nguồn: Nghiêm Bá Đức, Thứ trưởng Bộ Ngoại Thương, gửi Phủ Thủ Tướng ngày 29/6/1973. “Báo cáo (số 243/BNgt/KV) về tình hình hàng hóa nhập khẩu qua các cảng biển Trung Quốc và đề xuất cử người đến Trung Quốc để kiểm tra hàng tồn chi tiết và thảo luận kế hoạch đem số hàng còn lại về nước”. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 119 – 22.

Phan Trọng Tuệ: Cảm ơn đồng chí về sự giúp đỡ. Chúng tôi hy vọng đồng chí Bộ trưởng có thể giúp chuyển phân bón và thực phẩm nhanh hơn để có thể đáp ứng nhu cầu cấp thiết của chúng tôi. Chúng tôi đề xuất 30.000 tấn gạo nhưng đồng chí chỉ chuyển 11.290 tấn; chúng tôi yêu cầu 42.500 tấn bắp nhưng đồng chí chỉ chuyển 33.900 tấn, chúng tôi yêu cầu chuyển 43.500 tấn lúa mì, nhưng đồng chí chỉ chuyển 7.000 tấn, chúng tôi yêu cầu 3.000 tấn nước tương, nhưng đồng chí chỉ chuyển 830 tấn.

Lý Cường: Các con số này đã không còn cập nhật nữa vì đã có thay đổi. Hiện tại các tàu của chúng tôi đang vận chuyển phân bón và vừa đến cảng của các đồng chí nhưng chưa dỡ hàng. Ba tàu của chúng tôi đang đợi ở ngoài khơi Hải Phòng.

Phan Trọng Tuệ: Đối với hàng hóa và nguyên vật liệu cho Khu 4 (Miền Trung), chúng tôi đề xuất 15.000 tấn gạo, nhưng đồng chí chỉ chuyển 4.000 tấn. Hiện giờ chúng tôi rất cần gạo. Như đồng chí biết rõ, khi hàng hóa đến Khu 4, chúng tôi phải vận chuyển và phân phát chúng đến các địa phương dọc theo vùng chiến tuyến.

Lý Cường: Để tôi nói đồng chí điều này. Có hai loại hàng hóa cực kỳ khan hiếm, đó là phân bón và gạo. Tôi muốn làm rõ với đồng chí là chúng tôi phải nhập khẩu rất nhiều phân bón... Chúng tôi phải trả giá cao cho phân bón chúng tôi nhập khẩu từ Nhật Bản và các nước khác. Lý do chính là chúng tôi cũng đang gặp khủng hoảng lương thực. Tình hình cho đến cuối năm nay không có gì khả quan. Như đồng chí biết, chúng tôi lấy gạo do nhân dân chúng tôi sản xuất đem xuất khẩu rồi sau đó nhập khẩu bắp và lúa mì để phân phối ngược lại cho nhân dân chúng tôi.

Phan Trọng Tuệ: Tại Hà Nội, thậm chí ở cấp Bộ trưởng như tôi, chúng tôi vẫn phải ăn 40% bắp và lúa mì, ngoại trừ các đồng chí có chứng nhận của bác sỹ là đang bệnh thì mới được ăn 100% gạo trong bữa ăn hàng ngày của mình.

Lý Cường: Thằng thẩn mà nói, chỉ 80% bữa ăn của tôi là gạo dù tôi đến từ vùng từ xưa cho đến gần đây đều ăn gạo. Vấn đề gạo thực sự là vấn đề đáng bận tâm. Giá gạo đang lên. Đồng chí có biết hiện tại giá gạo ngon bao nhiêu một tấn không? Phải trả 600 Đô la cho một tấn gạo trên thị trường thế giới [...], nhưng để giúp đỡ các đồng chí, chúng tôi chỉ tính các đồng chí 400 Đô La một tấn. Chúng tôi đang thiếu 10.000 tấn gạo cho quý đầu tiên [của năm 1974]. Chúng tôi không thể cung cấp đủ gạo cho các đồng chí. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn có bắp và lúa mì để giúp các đồng chí.

Phan Trọng Tuệ: Chủ tịch Mao nói rằng chúng ta là người một nhà. Nếu có điều gì, chúng ta nói thẳng thắn. Nông nghiệp của các đồng chí rất lớn. Một vài trăm ngàn tấn phân bón đối với các đồng chí không là gì nhưng đối với chúng tôi thì rất lớn.

Lý Cường: Các nước bạn châu Phi cũng nói giống như đồng chí nói. Họ nói “Nếu các đồng chí Trung Quốc cung cấp cho chúng tôi chỉ một số lượng gạo mà chuột ở Trung Quốc ăn thì cũng đủ để nuôi sống nhân dân chúng tôi”. Chúng tôi bán gạo cho họ và lấy ngoại tệ mạnh.

Phan Trọng Tuệ: Họ có ngoại tệ mạnh vì họ có dầu để xuất khẩu. Chúng tôi yêu cầu giá “hữu nghị” từ các đồng chí vì chúng tôi vẫn còn trong chiến tranh và chúng tôi không có gì để xuất khẩu. Gạo của chúng tôi phải gửi cho miền Nam. Người của chúng tôi ở vùng giải phóng đã bắt đầu sản xuất nhưng nếu họ không có gạo để ăn, tình hình sẽ rất khó khăn. Ở đây dù là vấn đề kinh tế, đó cũng là vấn đề chính trị đối với chúng tôi. Ở miền Nam, người dân không quen ăn lúa mì và chúng tôi không có phương tiện để chế biến lúa mì ở đó.

Mùa xuân 1974 với chiến thắng quân sự ở Miền Nam trong tầm tay, lãnh đạo Hà Nội hết sức quan tâm về việc Bắc Kinh thay đổi ý định về vấn đề viện trợ; vì vậy họ thấy cần phải thúc giục Trung Quốc chuyển số hàng viện trợ còn lại cho đến cuối năm. Ngày 4/3/1974, Phó Thủ tướng Phan Trọng Tuệ chuyển cho Chu Ân Lai một bức thư từ Phạm Văn Đồng với hai yêu cầu khẩn cấp: 1) Chuyển nhanh chóng và đầy đủ các thiết bị cho các dự án quan trọng còn lại mà Trung Quốc viện trợ, và 2) kịp thời chuyển 2,8 triệu tấn hàng hóa phổ thông, trang thiết bị, nguyên vật liệu còn lại (bao gồm 815.000 tấn hàng hóa còn tồn từ những năm trước), cùng với 300.000 tấn nguyên vật liệu do các nước khác viện trợ tính đến cuối năm. Vì vậy, tổng cộng số hàng hóa cần được chuyển sang Bắc Việt Nam cho tới cuối năm 1974 là 3,04 triệu tấn. Phạm Văn Đồng cam kết với Chu Ân Lai về khả năng Việt Nam có thể nhận số lượng hàng hóa khổng lồ này từ Trung Quốc và đề xuất số hàng này được chuyển theo ba đường: chuyển 1,564 triệu tấn bằng đường sắt, qua ngã Lào Cai, chuyển 740.000 tấn bằng đường biển (bao gồm 177.000 tấn cho Khu 4 – Miền Trung Việt Nam) trên tàu biển Trung Quốc, và chuyển 511.000 tấn xăng, dầu qua các đường ống dẫn dầu.⁵⁰ Trung bình, đề xuất của Hà Nội yêu cầu phải vận chuyển 200.000 tấn hàng viện trợ mỗi tháng. Cần nhớ lại Thứ trưởng Ngoại thương Việt Nam ĐCCH Nghiêm Bá Đức đã thừa nhận riêng với lãnh đạo Việt Nam vào ngày 29/3/1974 rằng năng lực Việt Nam nhận hàng bằng đường sắt từ Trung Quốc là “trên dưới 150.000 tấn”. Vì vậy phía Việt Nam muốn tăng công suất nhận hàng lên 10 lần trong một thời gian ngắn.

Chứng cứ thêm cho thấy việc Hà Nội ngày càng thiếu tin cậy việc Bắc Kinh xử lý hàng viện trợ của các nước khác cho Việt Nam được thể hiện trong báo cáo của Phan Trọng Tuệ vào tháng 3/1974 gửi Bộ Chính trị Đảng Lao Động Việt Nam:

Các bạn Trung Quốc của chúng ta không chân thành, đặc biệt là tại Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại [ý nói cuộc gặp của ông với Lý Cường]. Tuy nhiên vì chúng ta đã tăng cường sang Bắc Kinh và nói chuyện hợp tình hợp lý nên các bạn đã đồng ý giúp chúng ta giải quyết các vấn đề như: tiếp tục chuyển toàn bộ thiết bị, cử chuyên gia đến giúp chúng ta tăng tốc việc xây dựng, nghiên cứu khả thi và làm thiết kế... Tuy nhiên, những vấn đề như thế này sẽ không bao giờ chỉ vì lợi ích của một bên vì đây là hàng hóa, nguyên vật liệu viện trợ của chúng ta [do các nước khác viện trợ]. Vì lý do này, chúng ta cần tiếp tục theo dõi sát sao tình hình và liên tục nhắc nhở các bạn Trung Quốc về kế hoạch chuyển tiếp hàng.⁵¹

Phan Trọng Tuệ mô tả với Bộ Chính trị rằng chuyến đi Bắc Kinh của mình đã thành công trong việc đảm bảo Bắc Kinh giữ đúng cam kết. Lý Cường đã đồng ý cung cấp thêm tàu Trung Quốc để giúp chuyển 400 tấn thực phẩm mỗi ngày cho miền Trung Việt Nam và Guo Lu, Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã cam kết tăng thêm nhiều chuyến hàng, với điều kiện là phía Việt Nam tăng thêm phương tiện lưu trữ và năng lực nhận hàng. Guo nói với Phan Trọng Tuệ rằng “Việt Nam phải nghiêm túc lưu ý năng lực nhận hàng của phía Việt Nam và hiểu rằng trên thực tế Trung Quốc cũng gặp khó khăn từ chuyến thiếu xà lan và tàu cho đến vấn đề tắc nghẽn tại các cảng biển”.⁵² Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có thông tin rõ ràng từ nguồn tư liệu Việt Nam hay Trung Quốc về số lượng của các chuyến hàng Trung Quốc chuyển cho Bắc Việt Nam vào nửa sau 1974, nhưng điều mà chúng ta biết là việc Hà Nội than phiền về chuyến Bắc Kinh trì hoãn phát hàng viện trợ cho Việt Nam vẫn tiếp tục cho đến sau khi Bắc Việt Nam đánh bại Nam Việt Nam.

Bất đồng về các dự án viện trợ của Trung Quốc, giai đoạn 1973-75

Trong cuộc gặp với Lê Duẩn tại Bắc Kinh vào ngày 5-6/6/1973, Thủ tướng Chu Ân Lai hứa sẽ cung cấp viện trợ cho Bắc Việt Nam ở mức viện trợ như năm 1973 trong vòng 5 năm tới.⁵³ Để thể hiện tầm quan trọng của việc Trung Quốc tiếp tục viện trợ kinh tế toàn diện cho Bắc Việt Nam, Hà Nội đã gửi một phái đoàn 17 người bao gồm các cán bộ cấp cao từ các sở, bộ quan trọng, dẫn đầu là Thứ trưởng Bộ Ngoại thương Nguyễn Chanh, đến Bắc Kinh vào giữa tháng 7/1973 để thương lượng với người tương nhiệm Trung Quốc về vấn đề viện trợ kinh tế của Trung Quốc cũng như quan hệ thương mại song phương trong năm 1974.⁵⁴ Tuy nhiên, kỳ vọng cao của Hà Nội lại gặp phải quyết tâm mạnh mẽ của Trung Quốc trong việc giảm các cam kết lớn đưa ra trong quá khứ. Phái đoàn do Nguyễn Chanh dẫn đầu ở lại Bắc Kinh cả tháng, dài hơn kế hoạch rất nhiều. Việc đàm phán căng thẳng hơn phía Hà Nội nghĩ và kết quả rất thất vọng. Ngược lại, vào tháng 8 cùng năm Liên Xô xóa cho Việt Nam DCCH một khoản nợ trị giá 1,08 tỉ Đô la từ những lần cho vay trước đây, cho phép Việt Nam DCCH nhập khẩu hàng hóa trị giá hơn 132 triệu rúp, trong đó 108 triệu rúp là nhờ một khoản vay. Năm 1973 vì vậy là một năm Hà Nội nghiêng đáng kể về phía Matxcova, theo như quan sát của Đại Sứ Quán Liên Xô tại Việt Nam DCCH.⁵⁵

Vào ngày 24/09/1973, Lê Thanh Nghị chuyển quan điểm của Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam DCCH cho Đại sứ Ngô Thuyền và Nguyễn Chanh, đang vẫn còn đàm phán ở Bắc Kinh:

Quan điểm chung của chúng ta là bạn của chúng ta [Trung Quốc] sẽ không đáp ứng nhu cầu của chúng ta một cách thỏa mãn. Dù chúng ta chỉ có một vài yêu cầu lớn bổ sung như nêu ở trên, họ đã từ chối. Nếu các bạn Trung Quốc không chấp nhận ngay các yêu cầu của chúng ta, chúng ta không nên kháng kháng đòi hỏi, chỉ nên trao đổi ý kiến. Lần sau nếu có cơ hội, chúng ta sẽ nêu lại vấn đề này. Cố gắng sắp xếp sớm ký thỏa thuận để đoàn của chúng ta có thể về nước sớm.⁵⁶

Vì thế từ tháng 8-9/1973, Hà Nội đã lường trước được sự sụt giảm viện trợ của Trung Quốc cho những năm tiếp theo, nhưng bằng kỹ năng ngoại giao, họ cũng kỳ vọng có thể thuyết phục Bắc Kinh vào lúc nào đó trong tương lai sẽ tăng mức viện trợ lên.

Tháng 3/1974 cuộc gặp giữa Phan Trọng Tuệ và Chu Ân Lai, Phương Nghị, và Lý Cường tại Bắc Kinh cho thấy sự khác biệt sâu sắc giữa hai phía về đường lối tái xây dựng kinh tế Việt Nam. Lời khuyên của Bắc Kinh là “tập trung vào nông nghiệp và năng lượng nhiều hơn vào công nghiệp” đã mâu thuẫn trực tiếp với nguyện vọng của Việt Nam về một ngành công nghiệp hiện đại. Lời khuyên của Bắc Kinh nhấn mạnh việc Bắc Kinh muốn tạm dừng những cam kết viện trợ không lồ với Việt Nam, điều này trực tiếp xung đột với việc Hà Nội mong muốn Bắc Kinh đẩy nhanh hoàn thành các dự án công nghiệp quan trọng. Phương Nghị nói với Phan Trọng Tuệ rằng:

107 hay 109 dự án [cho năm 1974] là quá nhiều và đây là những dự án rất lớn; một vài dự án của các đồng chí Việt Nam rất tốt kém cho phía Trung Quốc và nói chung, đây là những dự án rất lớn - một vài dự án lớn như các dự án ở Trung Quốc. Trước đây, Thủ tướng Chu Ân Lai đề xuất “tập trung vào mục tiêu chính” và đồng chí cũng đã nói với tôi rằng Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã đồng ý với điều này.⁵⁷

Nhằm cố gắng thuyết phục Hà Nội không quá tham vọng về kế hoạch xây dựng công nghiệp tại giai đoạn này, và để tập trung vào nông nghiệp, Phương Nghị đề xuất với Phan Trọng Tuệ rằng:

Theo ý tôi, [Việt Nam] nên tập trung vào năng lượng và nguồn lực cho các dự án có sức ảnh hưởng to lớn đối với nền kinh tế quốc gia, như nhà máy phân bón Hà Bắc. Mỗi năm nhà máy này sản xuất 110.000 tấn phân U-rê, tương đương 220.000 tấn phân bón Nitrat. Ở Trung Quốc chúng tôi có câu này “một tấn phân bón hóa học có thể làm tăng 4 tấn lương thực”. Nếu nhà máy này tập trung nâng cao sản xuất nông nghiệp, nó sẽ có tác động lớn đến nền nông nghiệp của các đồng chí.⁵⁸

Trong lời bác bỏ của mình, Phan Trọng Tuệ nói với Phương Nghị rằng “trước đây, Thủ tướng Chu Ân Lai khuyên chúng tôi nên tập trung vào các dự án “trọng điểm” có tầm quan trọng trong việc xây dựng nền móng kinh tế; các dự án này bao gồm các dự án “năng lượng, phân bón, vật liệu xây dựng và thép”, và đây chính là những gì hiện nay chúng tôi yêu cầu”.⁵⁹ Hà Nội diễn giải lời khuyên và sự định nghĩa lại các dự án “tập trung vào mục tiêu” của Bắc Kinh là sự “không chân thành” và đơn giản là nỗ lực của Trung Quốc muốn giảm những cam kết viện trợ mà nước này đã hứa trước đây.⁶⁰ Sau khi trở về từ hai tuần công tác tại Bắc Kinh vào tháng 3/1974, Phan Trọng Tuệ nói với Bộ Chính trị Đảng Lao Động Việt Nam rằng “Các bạn Trung Quốc [của chúng ta] đã không chân thành, đặc biệt là những người ở Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại”.⁶¹

Từ đầu năm 1974, các lãnh đạo Bắc Kinh gửi một thông điệp rõ ràng và nhất quán cho các lãnh đạo Hà Nội rằng Việt Nam DCCCH nên tập trung vào phát triển nông nghiệp và tất cả viện trợ của Trung Quốc sẽ nên hướng vào việc thúc đẩy năng suất nông nghiệp (sản

xuất phân bón, xây dựng nhà máy điện, cải thiện giao thông). Những lời khuyên như vậy được truyền đạt một cách thiếu tinh tế nhất trong “bài giảng” của Lý Tiên Niệm trước phái đoàn sang thăm của Bộ Khoa học Công nghệ Việt Nam vào ngày 23/3/1974. Lý Tiên Niệm thẳng thừng nói:

Về công nghiệp nhẹ, không có nguyên vật liệu, các đồng chí không thể làm được gì, giống như nấu cơm mà không có gạo. Các đồng chí bỏ nước vào nồi, nhưng nếu không có gạo bỏ vào cái nồi đó, thì làm sao nó có thể trở thành cơm? Từ kinh nghiệm của chúng tôi, các đồng chí phải đi từng bước một, từ công nghiệp nhẹ, đến công nghiệp nặng, [các đồng chí] phải tập trung vào nông nghiệp trước. [Các đồng chí] phải có gạo để ăn. Các đồng chí là những người làm khoa học và tôi hỏi các đồng chí điều này: Các đồng chí có thể chứng minh cho tôi được có phát minh nào là không cần gạo không?... Về công nghiệp nặng cũng vậy, các đồng chí không nên phụ thuộc hoàn toàn vào các chuyên gia Liên Xô. Các đồng chí phải hỏi: Những gì họ nói là đúng hay sai? Chỉ bây giờ chúng tôi mới biết nền kinh tế của chúng tôi thiệt hại nặng nề là bởi vì chúng tôi đã nghe lời họ về mọi việc. Bề ngoài nó cho chúng ta ấn tượng về sự tinh vi, hiện đại nhưng thực tế nó là một công thức của thảm họa.⁶²

Lý Tiên Niệm lặp lại đề nghị trước đây của Chu Ân Lai với Phan Trọng Tuệ vào ngày 4/3/1974 rằng các đồng chí Việt Nam “không nên quá tham vọng”. Phan Trọng Tuệ kết luận trong báo cáo của mình gửi Bộ Chính trị Đảng Lao Động Việt Nam như sau:

Sau khi gặp người Trung Quốc, chúng tôi thấy rõ ràng rằng vẫn còn nhiều khó khăn và các vấn đề phức tạp, nhưng chúng tôi cũng đạt được một số tiến bộ vì cả hai bên đã ký kết [thỏa thuận kinh tế cho năm 1974]. Về vấn đề thiếu viện trợ nguyên vật liệu, chúng tôi đã trực tiếp nêu những khó khăn và nhu cầu của chúng ta. Tuy nhiên, Trung Quốc đề nghị chúng ta không nên quá tham vọng trong việc xây dựng quá nhiều dự án lớn. Dù họ không nói trực tiếp, họ ám chỉ rằng hợp tác với các nước khác để có những dự án lớn và hiện đại không nhất định là điều tốt và họ sẽ không cung cấp [các dự án lớn đó] ngay.⁶³

Nội dung của cuộc nói chuyện giữa Phan Trọng Tuệ và Chu Ân Lai, Phương Nghị và Lý Cường rõ ràng cho thấy thái độ không hài lòng của Bắc Kinh đối với tham vọng xây dựng nền công nghiệp của Hà Nội.⁶⁴ Biểu hiện của sự không hài lòng ngày càng gia tăng của Bắc Kinh đối với tham vọng của Hà Nội là việc Chu Ân Lai gián tiếp phê bình kế hoạch xây cầu Thăng Long của Hà Nội trong cuộc hội đàm của Chu Ân Lai với Phan Trọng Tuệ vào ngày 4/3.⁶⁵

Chu Ân Lai: Tôi nghe các đồng chí chuẩn bị xây một cây cầu mới, cầu Thăng Long. Nó dài bao nhiêu?

Phan Trọng Tuệ: 5,7 km. Nó ngắn hơn cây cầu của các đồng chí ở Nam Kinh. Phần chính của cầu Thăng Long chỉ dài 1,7km.

Chu Ân Lai: Nếu vậy thì cây cầu của các đồng chí dài hơn cây cầu Trường Giang bắc qua sông Dương Tử ở Nam Kinh và cây cầu ở Vũ Hán.⁶⁶

Đối với năm 1974, trong số 299 dự án do Trung Quốc viện trợ bị tàn phá do Mỹ đánh bom, Bắc Kinh chỉ hứa sửa chữa 99 dự án, và để số dự án còn lại cho những năm sau đó, Chu Ân Lai khuyên Phan Trọng Tuệ:

Các đồng chí không nên lên kế hoạch cho quá nhiều dự án. Từ kinh nghiệm của chúng tôi, các đồng chí không nên chỉ lên một danh sách các dự án, mà các đồng chí cần tính toán thực tế và kỹ lưỡng về nhân công, nguyên vật liệu, vốn đặc biệt dùng để nhập khẩu thiết bị, kỹ thuật viên và công nhân có tay nghề (các đồng chí đã có đủ những thứ này chưa?) Các đồng chí không nên quá lạc quan về vấn đề vận chuyển... Ngoài các dự án do Trung Quốc viện trợ, các đồng chí vẫn còn các dự án do các nước khác tài trợ. Một phần ba trong số 600 dự án do nước ngoài viện trợ là các dự án do Trung Quốc giúp. Các đồng chí phải ưu tiên các dự án nào “đánh trúng mục tiêu” để tránh lãng phí.⁶⁷

Chu Ân Lai sau đó thêm vào:

Dĩ nhiên chúng tôi hiểu các đồng chí cần phục hồi sau chiến tranh. Tuy nhiên, tôi muốn đồng chí chuyển [thông điệp của tôi] đến Đồng chí Phạm Văn Đồng rằng [Việt Nam] cần tập trung vào các dự án “đánh trúng mục tiêu” trước. Trong số 600 dự án lớn, một số dự án mà các đồng chí không đủ thiết bị và vật liệu xây dựng nên hoãn lại năm sau.⁶⁸

Không đồng tình với việc định nghĩa lại của Chu Ân Lai, Phan Trọng Tuệ nhắc lại định nghĩa trước đây của Chu Ân Lai rằng yếu tố tạo nên “dự án trọng điểm” chính là tác động của nó lên việc cải thiện kinh tế, đồng thời lập luận rằng những dự án Việt Nam đề nghị đạt những tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, Bắc Kinh từ chối rất nhiều dự án “trọng điểm” vì không “đánh trúng mục tiêu” như định nghĩa của Thủ tướng Chu Ân Lai.⁶⁹

Đối với năm 1975, trưởng phái đoàn Việt Nam DCCH Nguyễn Văn Biên đã trình các lãnh đạo Việt Nam một báo cáo bi quan: 144 dự án còn lại mà Trung Quốc đồng ý giúp chúng ta xây dựng bằng thiết bị của họ là một con số quá lớn và tiêu tốn rất nhiều tiền (500 triệu rúp). Trung Quốc muốn có một kế hoạch được đồng ý rõ ràng giữa Việt Nam và Trung Quốc cho 5 năm kế tiếp và sẽ không có thay đổi gì sau đó, nhưng kế hoạch của Trung Quốc là hoãn việc xây dựng các dự án này và giãn chúng ra trong vòng 5 năm tới từ 1975 đến 1980. Họ gởi tín hiệu cho chúng tôi rằng họ không thể chấp nhận đề xuất của chúng ta về các dự án mới.⁷⁰

Trong số 101 dự án chưa được xây dựng, Trung Quốc đồng ý xây dựng 50 dự án, nhưng hoãn xây dựng 51 dự án khác vốn là những dự án quan trọng nhất từ năm 1975 (như đề xuất trong kế hoạch của Việt Nam) sang các năm 1977-80. Trong số 19 dự án quốc phòng cam kết trước đây, Bắc Kinh đồng ý bắt đầu xây dựng chỉ 2 dự án cho năm 1975. Nhiều dự án quốc phòng quan trọng bị hoãn từ giai đoạn 1974-76 sang 1977-79.⁷¹

Việc cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự đáng kể của Trung Quốc xảy ra vào thời điểm Hà Nội cảm thấy cần hơn bao giờ hết một lượng viện trợ lớn hơn từ Trung Quốc và

Liên Xô vì Hà Nội lường trước sẽ có rất nhiều khó khăn trong việc xây dựng đất nước thời hậu chiến. Nhận thức của Hà Nội về sự thờ ơ của Bắc Kinh đối với mối bận tâm kinh tế cấp bách nhất của Việt Nam bắt nguồn từ những gì Trung Quốc không cung cấp hơn là những gì trước đây Trung Quốc đã viện trợ trong quá khứ, trong khi nhận thức của Trung Quốc về sự thiếu trân trọng và biết ơn của Hà Nội phần lớn bắt nguồn từ việc nhận thấy Hà Nội thiếu công nhận sự hy sinh lớn lao của Trung Quốc trong 15 năm trước đó và tình hình kinh tế khó khăn hiện tại của Trung Quốc. Mâu thuẫn giữa đại diện đàm phán của Việt Nam Nguyễn Văn Biên và thứ trưởng Trung Quốc Han Sunzhen tại cuộc gặp của họ vào ngày 31/8/1974 tại Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại của Trung Quốc cho thấy sự rạn nứt sâu sắc giữa hai bên về những cam kết viện trợ Trung Quốc đã hứa trước đây.

Nguyễn Văn Biên: Về vấn đề viện trợ thiết bị và nguyên vật liệu cho 144 dự án trong thỏa thuận của chúng ta, đồng chí Han cũng đã nêu vấn đề này, nhưng chúng tôi nghĩ rằng hai kế hoạch của chúng ta đến nay là hoàn toàn không có điểm chung. Chúng tôi đề xuất tập trung xây dựng vào năm 1975 và 1976, nhưng các đồng chí hoãn lại đến năm 1980. Chúng tôi muốn xây dựng [chúng] nhanh, mang lại kết quả kinh tế sớm do nhu cầu cách mạng của chúng tôi [tại miền Nam]. Dựa vào nghị quyết số 22 của Đảng của chúng tôi, chúng tôi muốn tự lực nhưng chúng tôi thiếu hụt mọi thứ. Chúng tôi chỉ có một ít này, một ít kia thì làm sao chúng tôi có thể làm được gì?... Sự viện trợ của các đồng chí là cần thiết và chúng tôi cần rất nhiều. Chúng tôi cũng nghĩ về tình hình của các đồng chí. Các đồng chí đã đạt nhiều thành tựu mới nhưng đồng thời cũng gặp nhiều thách thức mới. Chúng tôi rất hiểu điều đó, nhưng khó khăn của các đồng chí là làm thế nào để phát triển kinh tế và các đồng chí có rất nhiều điều kiện thuận lợi để vượt qua những trở ngại. Tuy nhiên, khó khăn của chúng tôi là việc thiếu thốn nghiêm trọng những nguyên vật liệu cơ bản.

Han Sunzhen: Hợp tác kinh tế của chúng ta đến nay đã diễn ra khá lâu. Trong chiến tranh, chúng tôi có những biện pháp đặc biệt để giúp đỡ các đồng chí và bây giờ là thời bình, rất khó mà tiếp tục các biện pháp đặc biệt, bây giờ không phải là vấn đề một hay hai dự án; chúng ta đang nói về 144 dự án. Quan hệ ngoại giao của chúng tôi đã mở rộng từ năm 1970 – từ quan hệ với 10 nước lên 40 – 50 nước. Chúng tôi đang nói về những khó khăn hiện tại của chúng tôi ở đây. Đó là thực tế. Theo lời dạy của Mao Chủ tịch, chúng tôi cần giúp đỡ những nước khác đang đấu tranh giải phóng dân tộc. Kế hoạch của hai bên khá khác biệt. Thật dễ dàng nói “Tôi đồng ý với ý kiến của các đồng chí”, nhưng rồi chúng tôi lại không thể thực hiện, các đồng chí sẽ trách chúng tôi. Trong số 144 dự án, có 43 dự án đang triển khai, và 101 dự án chưa được triển khai. Chúng tôi nghĩ rằng nếu chúng tôi có thể hoàn thành phần lớn các dự án này vào năm 1980 thì đó là chiến thắng to lớn của chúng tôi rồi. Kế hoạch của hai bên quá khác biệt; lý do không phải là vì chúng tôi có thể làm mà chúng tôi lại từ chối, mà sự thật là chúng tôi không có khả năng làm.⁷²

Thêm vào đó, trong giai đoạn 1972-1974, Hà Nội và Bắc Kinh mâu thuẫn trong vấn đề trước đây Bắc Kinh cam kết xây dựng một dự án lọc dầu. Ngày 5/12/1971, Trung Quốc hứa xây

dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên tại Bắc Việt Nam để Việt Nam giảm phụ thuộc về dầu vào Liên Xô. Bắc Việt Nam đã phụ thuộc rất nhiều vào việc nhập khẩu dầu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa và cung cấp nhiên liệu cho sản xuất công nghiệp. Liên Xô là nguồn cung cấp dầu chính cho Bắc Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh, từ năm 1965 đến 1971 Liên Xô đã cung cấp 1,238 tấn nhiên liệu (xăng và dầu), trung bình 214.000 tấn mỗi năm trong khi Trung Quốc cung cấp chỉ 156.000 tấn, trung bình 26.000 tấn mỗi năm. Nhiên liệu do Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam vì vậy chỉ chiếm 10% lượng nhiên liệu Liên Xô cung cấp trong giai đoạn này. Tuy nhiên, để xoa tan nỗi sợ của Hà Nội về việc bị Trung Quốc bỏ rơi khi Bắc Kinh xích lại gần với Washington, các lãnh đạo Trung Quốc quyết định tăng đáng kể việc cung cấp nhiên liệu cho Bắc Việt Nam lên 116.000 tấn trong năm 1971, gần bằng 50% con số 290.000 tấn nhiên liệu do Liên Xô cung cấp trong cùng năm, đồng thời cam kết xây dựng một dự án lọc dầu quy mô lớn và tốn kém bao gồm 4 hạng mục: nhà máy lọc dầu, dàn khoan dầu, kho chứa chính cho việc vận chuyển dầu thô, và một đường ống dẫn dầu cho Bắc Việt Nam trong vài năm.⁷³

Theo thỏa thuận ngày 5/12/1971, Bắc Kinh cam kết giúp Hà Nội xây dựng một nhà máy lọc dầu với công suất xử lý và lọc dầu khoảng 1 đến 1,5 triệu tấn một năm.⁷⁴ Tuy nhiên, Bắc Kinh đã không thể thực hiện lời hứa. Theo báo cáo của Tổng Cục Hóa chất của Bộ Ngoại thương đề ngày 5/5/1974 gửi cho Phủ Thủ Tướng, phía Trung Quốc đã giải thích: “Nhu cầu của Việt Nam về việc xây dựng [dự án lọc dầu này] là rất lớn, nhưng khả năng thức tế [để giúp Việt Nam] của Trung Quốc là có hạn. Trung Quốc không thể đáp ứng nhu cầu này. Trung Quốc cần cố gắng phát triển kinh tế trong nước; đồng thời, ngoài Việt Nam, chúng tôi vẫn phải cần giúp đỡ các nước khác.”⁷⁵ Tuy nhiên, đại diện đàm phán của Việt Nam diễn giải động cơ của phía Trung Quốc rất khác, như việc Nguyễn Văn Biên báo cáo lại lãnh đạo Hà Nội như sau:

Đoàn của chúng tôi nhận thấy rằng không phải vấn đề Trung Quốc gặp khó khăn về kinh tế và thách thức về công nghệ. Đó chỉ là cái cớ để họ trì hoãn hoặc từ chối. Động cơ thực sự của họ là họ muốn thu hẹp nhu cầu của chúng ta và cắt giảm chi phí và viện trợ của họ cho chúng ta đến khi không còn gì nữa. Động cơ đó trở nên rõ ràng hơn đối với chúng tôi khi chúng tôi trao đổi quan điểm với họ bên ngoài các cuộc họp chính thức... Chúng ta nên hành động tức thì, có những chuẩn bị cần thiết cho việc tìm kiếm những nước khác có thể huấn luyện cho kỹ sư của chúng ta và cung cấp thiết bị để chúng ta có thể không để Trung Quốc dùng ảnh hưởng của mình lên vấn đề này để kéo lê và trì hoãn việc xây dựng [nhà máy lọc dầu].⁷⁶

Trong báo cáo của Lý Ban, nhóm nghiên cứu khả thi của Trung Quốc đứng đầu là đồng chí Wang Ping Qing, Bộ Trưởng Bộ Nhiên liệu và Hóa chất, đã có chuyến đi thị sát địa điểm phù hợp để xây dựng một nhà máy lọc dầu, một giàn khoan dầu, một kho chứa dầu và các đường ống dẫn dầu tại Việt Nam từ ngày 1 đến 28/3/1975. Vào ngày 1/3, Wang Ping Qing gặp Nguyễn Trang, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hóa chất. Cả hai bắt đầu thảo luận sâu sắc về địa điểm dự án nhà máy lọc dầu.⁷⁷ Phía Việt Nam bảo Nhóm Nghiên cứu Khả thi của Trung

Quốc rằng chính phủ Việt Nam đã quyết định xây dựng nhà máy lọc dầu tại Núi Dinh (Miền Trung Việt Nam) và cảng biển Biện Sơn (Bắc Việt Nam).⁷⁸ Trung Quốc không đồng ý, viện dẫn vấn đề kỹ thuật, như xây dựng đường ống dẫn dầu xuyên 8 con sông rộng từ 200 đến 400m, trong đó có 4 con sông rộng 400m là không khả thi. Các chuyên gia Trung Quốc cũng cảnh báo rằng xây dựng một cảng ở vịnh Biện Sơn là không hợp lý vì vùng này dễ xảy ra thiên tai.⁷⁹ Lý Ban sau đó báo cáo lại rằng Wang Ping Qing rất không hài lòng với lời phê bình khó nghe của Nguyễn Trang rằng nhóm chuyên gia của Trung Quốc không có năng lực.⁸⁰ Vào ngày 10/4/1975, nhóm chuyên gia Trung Quốc kết thúc chuyến công tác và khẳng định ý kiến chọn các địa điểm Hồ Bướm (?) - Côn Sơn để xây dựng nhà máy lọc dầu và cảng dầu là lựa chọn tốt nhất. Phía Việt Nam khẳng định giữ ý kiến của mình, chọn núi Dinh – Biện Sơn là địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu và cảng dầu và nếu Trung Quốc không đồng ý với địa điểm Việt Nam đã chọn thì Việt Nam sẽ tự xây dựng và tất cả những gì Trung Quốc cần làm là chỉ cần gửi cho Việt Nam thiết bị và nguyên vật liệu. Phía Trung Quốc trả lời: “Nếu Việt Nam quyết định giữ lựa chọn địa điểm Núi Dinh – Biện Sơn thì họ nên đi xin viện trợ của các nước có công nghệ tiên tiến khác như Nhật Bản.”⁸¹

Tóm lại, phía sau bất đồng này là mâu thuẫn giữa nhu cầu và mong muốn của Hà Nội muốn có những dự án hiện đại, quy mô lớn với nhu cầu của Bắc Kinh muốn giảm quy mô viện trợ, một phần vì thực sự không có khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Hà Nội. Khi điều này xảy ra, Bắc Kinh quy mong muốn của Hà Nội muốn có một ngành công nghiệp nặng hiện đại cho việc Hà Nội thích nghe theo lời khuyên của Matxcova hơn là của Bắc Kinh, trong khi lãnh đạo Hà Nội quy việc Bắc Kinh từ chối ý định của Việt Nam cho việc Bắc Kinh muốn kiểm soát Việt Nam ở thế yếu hơn là vì Trung Quốc không đủ khả năng cung cấp những khoản viện trợ như vậy.

Những biện pháp trừng phạt kinh tế của Bắc Kinh chống lại kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Việt Nam, 1976-80

Sau khi Việt Nam thống nhất, lãnh đạo Hà Nội kỳ vọng nhận được nhiều chú ý và tôn trọng từ các nước xã hội chủ nghĩa khác. Như một báo cáo của Việt Nam ghi nhận vào năm 1975, “vị thế chính trị của chúng ta sau khi thống nhất đã được nâng lên một mức quan trọng tại Đông Nam Á và trên thế giới; chúng ta có nhiều tiềm năng và sức mạnh hơn khi chỉ có miền Bắc.”⁸² Tuy nhiên, Hà Nội cũng quên tầm quan trọng của Trung Quốc về mặt kinh tế và địa lý đối với những nỗ lực của Việt Nam trong việc xây dựng lại kinh tế miền Bắc đồng thời đưa miền Nam tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa. Điều hết sức quan trọng đối với nhiệm vụ này là kế hoạch năm năm lần thứ nhất, 1976-80. Lãnh đạo Hà Nội nhận thức rõ rằng xuất khẩu trong tương lai của mình sang thị trường rộng lớn Trung Quốc sẽ có tiềm năng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất nội địa và giảm vấn đề thất nghiệp đang tăng cao. Như Bộ Ngoại thương ghi nhận trong Triển vọng Kinh tế 1975: “Từ năm 1972 đến 1975, xuất khẩu

của chúng ta sang Trung Quốc rất thấp, chỉ chiếm 20% xuất khẩu của chúng ta sang Liên Xô, và 76% so với sang Đông Đức. Tuy nhiên, điều này là cơ hội tốt cho chúng ta thúc đẩy xuất khẩu sang Trung Quốc”.⁸³ Vì lý do này, lãnh đạo Hà Nội trước hết có chuyến thăm Trung Quốc, hy vọng có thể thuyết phục CHND Trung Hoa ủng hộ kế hoạch kinh tế hậu chiến, nhưng kết quả rất thất vọng đối với Hà Nội.

Hai thay đổi quan trọng trong chính sách viện trợ Việt Nam của Trung Quốc vào tháng 4/1975 làm tổn hại nghiêm trọng đến kế hoạch năm năm lần thứ nhất của Việt Nam DCCCH sau khi thống nhất. Thứ nhất, Bắc Kinh quyết định thay thế hoàn toàn các chương trình viện trợ hào phóng cho Việt Nam bằng các giao dịch thương mại song phương đơn thuần. Kết quả là Bắc Kinh giảm số lượng hàng hóa tiêu dùng quan trọng và nguyên vật liệu thô cho năm 1976 do Việt Nam đề xuất xuống chỉ còn 20% so với năm 1975 vì Việt Nam không có tiền mặt hoặc các khoản vay để trang trải cho phần còn lại. Đối với năm 1976, Trung Quốc giảm các khoản Trung Quốc cho Việt Nam vay từ 871 triệu nhân dân tệ trong năm 1975 xuống còn 100 triệu nhân dân tệ (khoảng 50 triệu Đô la Mỹ) để nhập khẩu hàng hóa thiết yếu trong khi cắt hết tất cả các khoản viện trợ không hoàn lại. Thứ hai, Bắc Kinh không chỉ từ chối chấp nhận các dự án mới mà còn hoãn việc xây dựng 80 dự án còn tồn lại (đến giữa năm 1975) sang giai đoạn 1978-80, chậm vài năm so với đề xuất hoàn thành vào năm 1976 của Hà Nội.

Từ tháng 8 đến 11/1975, phái đoàn kinh tế hàng đầu của Việt Nam do Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị dẫn đầu và Thứ trưởng Bộ Ngoại thương Lý Ban thường xuyên đến thăm Bắc Kinh để thuyết phục lãnh đạo Trung Quốc phục hồi lại viện trợ kinh tế và ký kết thỏa thuận thương mại lâu dài để trợ giúp kế hoạch năm năm lần thứ nhất, 1976-80. Tuy nhiên, kết quả của 4 tháng đàm phán thương mại mệt mỏi là vô cùng thất vọng. Từ 21/8 đến 20/9 hàng loạt các đàm phán kinh tế song phương được thực hiện ở Bắc Kinh để dọn đường cho chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Tổng Bí thư Lê Duẩn từ 22-29/9. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán trở nên khó khăn bất thường và kéo lê suốt một tháng trời trước khi kết thúc với rất ít kết quả mà Hà Nội kỳ vọng. Ngày 31/8/1975, Lê Thanh Nghị báo cáo cho Phạm Văn Đồng về tiến triển rất thất vọng của vòng đàm phán đầu tiên giữa Lý Ban với Han Sunzhen, thứ trưởng Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại của CNHD Trung Hoa, và thứ trưởng Bộ Ngoại thương, Zhen Jie. Lê Thanh Nghị báo cáo lại:

1. Về viện trợ của Trung Quốc cho năm 1976, [Trung Quốc] cho chúng ta mượn 100 triệu nhân dân tệ [khoảng 50 triệu Đô la Mỹ] để mua hàng hóa phổ thông. Họ cho chúng ta mượn dưới dạng cho vay không tính lãi.
2. Báo cáo vắn tắt, qua các vòng đàm phán kinh tế với Trung Quốc, chúng ta thấy rằng kể từ năm 1976 trở đi, Trung Quốc sẽ không cung cấp hàng hóa phổ thông dưới dạng viện trợ cho chúng ta. Trung Quốc đổi viện trợ thành các khoản cho vay rất nhỏ (đối với năm 1976, con số 100 triệu nhân dân tệ chỉ chiếm 20% khoản cho vay của năm 1975). Đối với các hàng hóa quan trọng, Trung Quốc sẽ cung cấp với số lượng nhỏ.

3. Đối với thiết bị cho các dự án công nghiệp, Trung Quốc có ý định hoãn cung cấp và hoãn tất cả các dự án còn lại mà trước đây Trung Quốc cam kết với chúng ta đến năm 1980. Và Trung Quốc từ chối viện trợ bất kỳ dự án mới nào mà chúng ta đề xuất cho kế hoạch năm năm, 1976-80.
4. Trung Quốc từ chối thảo luận quan hệ kinh tế song phương lâu dài cho giai đoạn 1976-80 và chỉ đồng ý thảo luận thương mại song phương cho năm 1976.⁸⁴

Theo quan điểm Hà Nội, ý định của Trung Quốc dùng chiến thuật “trì hoãn” để tránh thực hiện lời hứa trước đây thể hiện quá rõ ràng trong cuộc gặp giữa Lý Ban và Han Sunzhen vào ngày 15/9/1975. Lý Ban đề xuất rằng Trung Quốc chuyển toàn bộ các thiết bị cho 80 dự án còn lại để Việt Nam có thể hoàn tất việc xây dựng trong vòng 3 năm, 1976-78, nhưng Han Sunzhen trả lời: “Quan điểm của chúng tôi là [80 dự án] nên làm trong 5 năm. Vì thế, quan điểm của chúng ta quá khác biệt. Chúng tôi cần nghiên cứu thêm hoặc có thể chúng tôi không thể cung cấp [thiết bị] theo cách các đồng chí muốn”.⁸⁵ Ngày 20/9, ngay trước khi phái đoàn cấp cao hàng đầu của Việt Nam do Tổng Bí thư Lê Duẩn dẫn đầu đi thăm 8 nước xã hội chủ nghĩa, Lý Ban gửi một báo cáo rất ám đạm cho Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị, người tháp tùng phái đoàn của Tổng Bí thư Lê Duẩn. Trong báo cáo này, Lý Ban nói với Lê Thanh Nghị rằng “quan điểm của lãnh đạo Trung Quốc cũng giống như những gì Lý Tiên Niệm nói với đồng chí trước đây,” gợi ý rằng Bắc Kinh sẽ không đưa ra cam kết viện trợ quan trọng nào trong chuyến viếng thăm của Lê Duẩn sắp tới.

Ngày 24/9/1975, về vấn đề viện trợ cho Việt Nam, Chủ tịch Mao nói với Lê Duẩn rằng “ngày hôm nay các đồng chí không phải là nước nghèo nhất. Chúng tôi mới nghèo nhất...” Thông điệp của Mao đối với Hà Nội đã rõ: Việt Nam nên ngưng trông cậy Trung Quốc giúp đỡ. Trong cuộc họp với Lê Duẩn vào ngày 29/9, Đặng Tiểu Bình bày tỏ sự tức giận đối với các tuyên bố chống Trung Quốc của báo chí Việt Nam. “Chúng tôi không dễ chịu chút nào khi đọc báo Việt Nam và biết chính kiến của công chúng Việt Nam. Thực sự là các đồng chí nhấn mạnh mối đe dọa từ phương Bắc. Sự đe dọa từ phương Bắc đối với chúng tôi là sự hiện diện của quân đội Liên Xô tại biên giới với Trung Quốc, nhưng đối với các đồng chí [phương Bắc] có nghĩa là Trung Quốc”.⁸⁷ Như Qiang Zhai đã nhận xét chính xác, rõ ràng tại thời điểm này Đặng Tiểu Bình bắt đầu ghét sự vô ơn của Việt Nam. Đặng Tiểu Bình có thể là người đã ủng hộ chính việc cắt giảm viện trợ cho Việt Nam và ông có Lý Tiên Niệm, thời điểm đó phụ trách chính sách viện trợ Việt Nam của Trung Quốc, là đồng nghiệp thân nhất trong Quốc Vụ Viện. Tháng 2/1975, cả hai đều là phó thủ tướng thường trực. Lý Tiên Niệm phụ trách công việc hàng ngày, tài chính và thương mại trong khi Đặng Tiểu Bình phụ trách các vấn đề ngoại giao và chủ trì các cuộc họp quan trọng của Bộ Chính trị.⁸⁸ Đặng Tiểu Bình cũng có ảnh hưởng trong việc lãnh đạo chính trị Quân đội Giải phóng Nhân dân. Tháng 1/1975, Mao bổ nhiệm Đặng Tiểu Bình làm Phó Chủ tịch Quân ủy của Quân đội Giải phóng Nhân dân.⁸⁹ Theo quan điểm của Hà Nội, chính sách cắt giảm viện trợ kinh tế của Bắc Kinh rõ ràng được quyết định vào đầu năm 1975 khi Lý Ban nhắc Lê Thanh Nghị nhớ lại trong một báo cáo vào tháng 11/1975: “Trước khi đồng chí Nghị bay đến Bắc

Kinh đề thực hiện các cuộc đàm phán kinh tế vào ngày 20/8/1975, đồng chí Lý Tiên Niệm đã nói với đồng chí Vĩnh [Đại sứ Việt Nam tại Bắc Kinh Nguyễn Trọng Vĩnh] rằng “Viện trợ của Trung Quốc sẽ giảm và đồng chí Lê Thanh Nghị sẽ thất vọng”.⁹⁰ Chính Lý Ban cũng hoài nghi về thái độ của Bắc Kinh. Nhận thức như vậy là điều đáng nói đối với Lý Ban, người dành hầu hết sự nghiệp của mình để tạo nên một mối quan hệ gần gũi với các lãnh đạo Bắc Kinh. Trong báo cáo tháng 11/1975 gửi Lê Thanh Nghị, Lý Ban nhận xét:

Chúng tôi biết rằng Trung Quốc thực sự gặp một số khó khăn, nhưng đó không phải là lý do chính đáng sau việc họ cắt giảm viện trợ kinh tế dành cho chúng ta hiện giờ. Trước đây, Trung Quốc còn gặp nhiều khó khăn hơn nhưng vẫn viện trợ cho chúng ta rất lớn, bao gồm viện trợ quân sự, thiết bị cho các dự án công nghiệp và hàng hóa phổ thông. Việc Bắc Kinh cắt giảm viện trợ kinh tế cho chúng ta không chỉ là vì kinh tế Trung Quốc khó khăn mà còn vì những lý do khác.⁹¹

Thái độ của Bắc Kinh đối với Campuchia Dân chủ vốn chống Việt Nam dưới thời Pol Pot hoàn toàn trái ngược với thái độ của Bắc Kinh đối với Việt Nam trong nửa sau 1975. Tháng 6/1975, Pol Pot thăm Bắc Kinh và nhận được sự đón tiếp như người hùng từ người thầy ý thức hệ Mao Trạch Đông, người rất hồ hởi khuyến khích chính sách của Pol Pot trong việc tìm kiếm độc lập khỏi Việt Nam và sử dụng Campuchia như đối trọng đối với tham vọng của Việt Nam tại Đông Dương. Trong chuyến thăm của Pol Pot, Bắc Kinh hứa viện trợ cho lãnh đạo Khmer Đỏ hơn 1 tỉ Đô la Mỹ viện trợ kinh tế và quân sự.⁹² Có thể kết luận rằng báo cáo của Lý Ban phản ánh mối bận tâm ngày càng lớn của Hà Nội về mối quan hệ ngày càng gần gũi giữa Bắc Kinh và Phnom Penh.

Tác động tức thì của việc cắt giảm mạnh viện trợ của Bắc Kinh lên kế hoạch năm năm lần thứ nhất của Việt Nam là gì? Để đánh giá khó khăn kinh tế của Hà Nội, điều quan trọng là phải bắt đầu đi từ thực tế rằng Việt Nam sau khi thống nhất vẫn còn phụ thuộc nặng nề vào viện trợ kinh tế và kỹ thuật nhiều mặt của Trung Quốc, và rằng những giúp đỡ của Trung Quốc từ phụ tùng cho đến kỹ thuật không dễ gì được thay thế bởi Liên Xô vốn có kỹ thuật công nghệ tiên tiến và tinh vi hơn. Với việc cắt giảm viện trợ quyết liệt này, Bắc Kinh bắt thành linh để Việt Nam thiếu thốn một khối lượng lớn các nguyên vật liệu thô quan trọng cho hoạt động sản xuất công nghiệp cũng như phụ tùng, thiết bị cho việc xây dựng nhiều dự án do Trung Quốc viện trợ, và đẩy Việt Nam vào tình thế vô cùng thiếu thốn thực phẩm và hàng tiêu dùng. Trong báo cáo gửi Phạm Văn Đồng ngày 10/11/1975, Lý Ban đưa ra một đánh giá rất xấu về tác động của việc Trung Quốc không tiếp tục viện trợ cho Việt Nam:

Thứ nhất, Trung Quốc chỉ cho chúng ta vay 100 triệu nhân dân tệ. Số hàng hóa mà Trung Quốc viện trợ cho năm 1975 và hoàn toàn cắt vào năm 1976 là: 38.000 tấn thực phẩm, 20.000 tấn nước tương, 33 triệu mét vải và lụa, 100.000 tấn phân bón, 1.800 phương tiện vận tải các loại, 400 máy cày, 140 toa xe lửa. Ngoài ra những hàng hóa mà trước đây thuộc diện hàng viện trợ nay chuyển thành hàng thương mại là 18.000 tấn than đá, 15.000 tấn than củi, 15.000 tấn lốp xe, 2 triệu nhân dân tệ thuốc đông y. Về thương mại song phương tính đến nay [11/1975] Trung Quốc chưa đồng ý nhập khẩu

các mặt hàng xuất khẩu chính của chúng ta và Trung Quốc cũng chưa công bố Trung Quốc sẽ xuất khẩu cho chúng ta những mặt hàng gì.

Thứ hai, việc hoàn tất xây dựng các dự án bây giờ bị hoãn đến năm 1980 (và có khả năng sẽ trì hoãn tiếp). Các dự án này bao gồm Nhà máy điện Việt Trì, Nhà máy phân bón Hà Bắc, và Nhà máy thép Thái Nguyên (ảnh hưởng đến công suất công nghiệp của chúng ta), việc xây dựng các dự án đóng tàu tại Hải Phòng và tuyến đường sắt nối Hà Nội – Hải Phòng. Dự án liên doanh thăm dò dầu vùng An Châu cũng bị dừng lại.⁹³

Trong khi Bắc Kinh rõ ràng quyết tâm trừng phạt Việt Nam về mặt kinh tế, thậm chí từ chối thảo luận hợp tác kinh tế lâu dài với Việt Nam, thì Matxcova nhanh chóng biến tình thế này thành có lợi bằng cách dốc hết sự hỗ trợ cho kế hoạch năm năm lần thứ nhất của Việt Nam. Trong chuyến thăm của Lê Duẩn, Việt Nam đã ký kết nhiều thỏa thuận vay và viện trợ cho kế hoạch năm năm lần thứ nhất với Liên Xô và 6 nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là Hungary, Bungari, Đông Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan và Rumani.⁹⁴

Bảng 2: Viện trợ của Trung Quốc và Liên Xô, giai đoạn 1971-75 và 1976-80

Quốc gia / Gia Đoạn	1971 - 75	1976-80 (cam kết)
Trung Quốc	1200 triệu rúp (5235 triệu nhân dân)	100 triệu nhân dân tệ hoặc 55 triệu rúp
Liên Xô	860 triệu rúp (bao gồm viện trợ từ 6 nước XHCN khác)	844 triệu rúp
Các nước khác	Không có số liệu	830.5 triệu rúp

Nguồn: Nguyễn Xuân Trúc, Trường Văn phòng Số 9 [Văn phòng của Phó Thủ tướng Đỗ Mười]. “Báo cáo về kết quả các cuộc đàm phán kinh tế với 8 nước XNCH cho kế hoạch năm năm lần thứ nhất, 1976-80”. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ Sơ của Phủ Thủ tướng, Tập tài liệu số 9921, 1 – 51.

Tổng giá trị viện trợ cho giai đoạn 1976-80 trong các thỏa thuận này nhiều gấp 5 lần so với các giai đoạn 5 năm trước đây, tổng cộng là 1,626 tỷ rúp. Chỉ riêng viện trợ của Liên Xô chiếm hơn 50% tất cả các viện trợ kinh tế từ các nước khối Xô Viết (xem Bảng 2).

Viện trợ của Liên Xô cho cả hai ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ đều vượt qua viện trợ tương ứng của Trung Quốc rất nhiều, và Matxcova quả quyết chắc chắn với Hà Nội rằng Matxcova sẽ lấp đầy khoảng trống do Trung Quốc để lại. Nên nhớ lại rằng Hà Nội rất không hài lòng với việc năm 1974 Bắc Kinh khẳng định Việt Nam phải theo mô hình phát triển kinh tế của Trung Quốc bao gồm 3 giai đoạn phát triển từ nông nghiệp, đến công nghiệp nhẹ, rồi mới đến công nghiệp nặng. Giờ đây Matxcova quả quyết sẽ hỗ trợ hết mình cho Việt Nam xây dựng công nghiệp nặng, Hà Nội nghiêng về phía Matxcova. Theo báo cáo ngày 28/11/1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam ghi nhận:

Điều đáng lưu ý nhất là đối với chúng ta, Liên Xô đã thay đổi đáng kể lập trường của họ. Lần này, các lãnh đạo Liên Xô đã nhất trí với chúng ta về đường lối và phương hướng phát triển kinh tế của chúng ta trong các thập niên tới. Trước đây, Liên Xô

thường khuyên chúng ta nên tập trung vào việc cải thiện điều kiện sống của nhân dân, nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, nhưng về công nghiệp nặng, [Liên Xô] khuyên chúng ta nên đi từ từ và rằng chúng ta không nên lên kế hoạch cho các dự án quá tham vọng như luyện thép, máy móc sản xuất, v.v... Lần này, Liên Xô có bước tiến triển lớn trong việc chấp nhận kế hoạch kinh tế của chúng ta. Họ cũng đặc biệt quan tâm đến việc giúp đỡ chúng ta đẩy nhanh việc xây dựng lại kinh tế với viện trợ kinh tế khổng lồ và quan trọng như hai bên đã ký kết. Ngược lại, khuynh hướng khá rõ là quy mô viện trợ của Trung Quốc sẽ sụt giảm nghiêm trọng so với giai đoạn chiến tranh.⁹⁵

Kết luận

Hầu hết các học giả đều cho rằng Bắc Kinh không hề giảm viện trợ cho Việt Nam sau khi Trung Quốc và Hoa Kỳ xích lại gần nhau, mà thực sự là Bắc Kinh đã cam kết viện trợ quân sự và kinh tế nhiều hơn cho Việt Nam DCCCH so với những năm trước đó, và rằng so với giai đoạn 1965 - 1970 thì các gói viện trợ Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam trong giai đoạn 1971 - 1975 là lớn hơn rất nhiều. Tuy nhiên, nguồn thông tin của Việt Nam nêu rõ sự không nhất quán giữa lời nói và hành động của Bắc Kinh sau khi ký Hiệp định Hòa bình Paris vào tháng 1/1973. Hơn nữa, những vấn đề gai góc xung quanh việc phân phát số hàng viện trợ khổng lồ của Bắc Kinh cho Hà Nội trở thành nguyên nhân chính của sự xích mích và nghi ngờ giữa hai bên, làm cho mối quan hệ Việt Nam – Trung Quốc vốn đã căng thẳng càng thêm xấu đi trong những năm sau đó. Rõ ràng, khi Bắc Việt Nam không còn giữ tầm quan trọng chiến lược đối với vấn đề an ninh của Trung Quốc sau khi Trung Quốc và Hoa Kỳ xích lại gần nhau vào tháng 2/1972, Bắc Kinh bắt đầu tái ưu tiên nhu cầu trong nước là phục hồi kinh tế hơn so với cam kết cung cấp bất cứ thứ gì cần để thỏa mãn nhu cầu của Hà Nội. Khi điều đó xảy ra, việc Bắc Kinh cắt giảm cam kết viện trợ khổng lồ cho Bắc Việt Nam, điều vốn gây tổn thất nặng nề cho nền kinh tế Trung Quốc, đã mâu thuẫn trực tiếp với sự khẳng khái của Hà Nội rằng Bắc Kinh phải xúc tiến thực hiện các cam kết viện trợ khổng lồ hiện hữu cũng như đáp ứng nhu cầu thậm chí nhiều hơn để phục vụ các nỗ lực chiến tranh và nhu cầu kinh tế ngày càng tăng của Việt Nam DCCCH.

Có 3 kết luận được rút ra. Thứ nhất, trong suốt hai năm then chốt, 1971 và 1972, khi Trung Quốc áp dụng cách tiếp cận hòa giải với Hoa Kỳ, Chủ tịch Mao không lo lắng về các con số và ra lệnh cam kết các gói viện trợ khổng lồ cho Bắc Việt Nam để xoa tan nỗi sợ hãi của Hà Nội về việc bị Trung Quốc bỏ rơi. Sau khi Mao đạt được mục tiêu chính sách ngoại giao quan trọng về việc xích lại gần Hoa Kỳ nhằm chống lại mối đe dọa từ Liên Xô vào tháng 2/1972, Việt Nam không còn giữ tầm quan trọng chiến lược. Khi đó, Mao chuyển sự quan tâm chú ý của mình vào sức khỏe kinh tế ngày càng sa sút của Trung Quốc, đồng thời nhượng bộ đối với các đề xuất của các cấp dưới có đầu óc kinh tế hơn về việc cắt giảm lãng phí và giảm viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam DCCCH, đặc biệt sau khi Hiệp định Hòa bình Paris được ký kết vào ngày 27/1/1973. Từ thời điểm này trở đi, mối quan hệ Việt Nam

– Trung Quốc nhanh chóng nguội lạnh. Không chỉ Bắc Kinh cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam DCHH trái ngược lại với lời hứa của Thủ tướng Chu Ân Lai vào tháng 6/1973, mà lãnh đạo của hai bên bắt đầu than phiền nhiều hơn về mọi vấn đề liên quan đến việc khôi phục lại và xây dựng gần 300 dự án do Trung Quốc viện trợ, rất nhiều trong số đó bị thiệt hại trong các đợt dội bom khốc liệt của Mỹ vào năm 1972. Ấn sâu sau bất đồng giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn 1972-75 là sự khác biệt trong ưu tiên quốc nội giữa hai nước, điều vốn trở nên càng nghiêm trọng do việc Trung Quốc hứa viện trợ cho Việt Nam vượt quá khả năng thực hiện và nhu cầu cấp bách của Hà Nội mong nhận được viện trợ nhiều hơn nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng tăng.

Thứ hai, phản ứng và đáp trả của Hà Nội về việc Bắc Kinh giảm nhiệt tình và không thực hiện lời hứa giúp đỡ Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn 1973-75, chủ yếu bắt nguồn từ sự nghi ngờ sâu xa của lãnh đạo Việt Nam về sự chân thành của Bắc Kinh. Khi các lãnh đạo Hà Nội để sự nghi ngờ đó nhuộm màu các cuộc tiếp xúc với các lãnh đạo Trung Quốc, phía Trung Quốc thấy rằng họ thiếu tính xây dựng và không cảm kích trước những hy sinh của Trung Quốc trong quá khứ nhằm giúp đỡ Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Việc Hà Nội ưu ái nghe theo lời khuyên của Matxcova tiến hành xây dựng công nghiệp ô tô thay vì nghe lời Bắc Kinh tập trung xây dựng nông nghiệp sau năm 1973 làm cho mối quan hệ song phương vốn đã căng thẳng trở nên tồi tệ hơn. Nhìn lại, viện trợ quân sự và kinh tế ô tô của Matxcova sau năm 1973 càng gây chia rẽ giữa Hà Nội và Bắc Kinh hơn; lãnh đạo Hà Nội, không hài lòng với việc Bắc Kinh không thực hiện những lời hứa trong quá khứ và không đáp ứng những nhu cầu mới, nảy nở mối ác cảm ngày càng lớn đối với Bắc Kinh. Tệ hơn, Bắc Kinh ngày càng nhiệt tình hơn trong việc cung cấp viện trợ cho Khmer Đỏ chống lại Việt Nam từ cuối năm 1974, điều trái ngược với việc Bắc Kinh tìm đủ mọi lý do để cắt giảm viện trợ cho Việt Nam. Điều này khiến Hà Nội nhận thức rằng Bắc Kinh có chủ ý muốn kiềm giữ Việt Nam ở thế yếu.

Thứ ba, nhìn lại có thể thấy năm 1975 là thời điểm bước ngoặt trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc. Nguồn tài liệu lưu trữ của Việt Nam cho thấy Trung Quốc vẫn còn quyền lực kinh tế đáng kể vốn có thể dùng để ngăn Việt Nam không bị kéo vào quỹ đạo của Liên Xô nhiều hơn. Trong suốt năm đó, Hà Nội nhất quán nhắc đi nhắc lại tầm quan trọng của việc Trung Quốc tiếp tục viện trợ kinh tế cho công cuộc xây dựng lại kinh tế miền Bắc thời hậu chiến và nỗ lực đưa miền Nam tiến lên xã hội chủ nghĩa, đồng thời có những nỗ lực phối hợp cải thiện quan hệ kinh tế với Trung Quốc, gọi các nhà ngoại giao tin cậy của họ đến Bắc Kinh. Nhưng khi những nỗ lực này không thành, cánh cửa hàn gắn những khác biệt cũng đóng lại. Cuối cùng, đó chính là quyết định khiêu khích của Bắc Kinh cắt viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam vào cuối năm 1975 trong khi lại tăng sự ủng hộ đối với Khmer Đỏ chống lại Việt Nam dưới thời Pol Pot khiến Hà Nội phải tìm kiếm một liên minh gần gũi hơn với Matxcova.

Chú thích:

- [1] Xem Qiang, *China and the Vietnam War*, trang 136; Chen, ‘China, the Vietnam war, and Sino-American Rapprochement’, trang 56; Li, ‘Vietnam and Chinese Policy Toward the United States’, trang 184, xem Shu, ‘Beijing’s Aid to Hanoi’, chương 7; Li ‘The Sino-Soviet Dispute’, chương 8; và Shen, ‘Sino – US Reconciliation and China’s Vietnam Policy’, chương 10, trong Priscilla Robert (2006) (biên tập), *Behind The Bamboo Curtain*.
- [2] Li. ‘Vietnamese and Chinese Policy Toward the United States’, trang 206
- [3] Cùng quyển trên, trang 205; cũng xem Shen, ‘Sino-US Reconciliation and China’s Vietnam Policy, trang 363
- [4] Shu, ‘Beijing’s Aid to Hanoi’, trang 219; Li, “The Sino-Soviet Dispute over Assistance”, trang 280-81; Chen, ‘China, Vietnam and Sino-American Rapprochement, trang 136; Luthi, *The Sino-Soviet Split*, trang 324–39.
- [5] Teiwes and Sun, *The End of the Maoist Era*, 49–50. Để xem thêm chi tiết về cái giá phải trả về mặt kinh tế của cuộc Cách mạng Văn hóa, xem Schoenhals, *China’s Cultural Revolution*, trang 1966–69, trang 268–72, và MacFarquhar & Schoenhals, *Mao’s Last Revolution*, trang 268–72.
- [6] Teiwes and Sun, *The End of the Maoist Era*, trang 196–9.
- [7] Cùng quyển trên, trang 50.
- [8] Chen Jian đã miêu tả đúng nhất: “Việc Bắc Kinh theo đuổi các thay đổi nền tảng trong chính sách đối ngoại Trung Quốc đối với Hoa Kỳ vì vậy đầy rẫy những nguy cơ chính trị, trong đó ít nhất là sự xói mòn tiềm tàng đối với tính chính danh của Cách mạng cộng sản Trung Quốc. Đường như trừ khi lãnh đạo Bắc Kinh sẵn sàng đưa ra những thỏa hiệp cơ bản trong cam kết của họ đối với ý thức hệ cộng sản chống chủ nghĩa đế quốc, họ sẽ không thể theo đuổi được việc xích lại gần hơn với Mỹ.” Xem Chen, *Mao’s China*, trang 142.
- [9] Shen Zhihua chỉ ra rất đúng rằng ‘Chủ nghĩa hiện thực buộc Trung Quốc phải hòa giải với Hoa Kỳ, trong khi ý thức hệ đòi hỏi Trung Quốc phải ủng hộ cuộc chiến Việt Nam chống Mỹ’. Xem Shen ‘Sino-U.S. Reconciliation and China’s Vietnam Policy’, trang 350. Qiang Zhai chỉ ra mối bận tâm của Bắc Kinh là ‘Việc Trung Quốc bớt căng thẳng với Hoa Kỳ có thể đẩy Hà Nội xa hơn về phía Liên Xô, một diễn biến có thể chống lại chính mục tiêu vốn đặt nền móng cho việc Bắc Kinh cởi mở với người Mỹ’. Xem Qiang, *China and the Vietnam Wars*, trang 195.
- [10] Ma, *The Cultural Revolution in the Foreign Ministry*, trang 343.

- [11] Chen, ‘China, the Vietnam War and Sino-American rapprochement’, trang 56; Shen, ‘Sino-U.S.Reconciliation and China’s Vietnam Policy’, trang 351–6. Theo Shen Zhihua, ‘vào ngày 3/3/1971 tại cuộc họp của Bộ Chính Trị, Trung Quốc khẳng định chính sách tăng hỗ trợ cho Việt Nam . . . Chỉ trong năm 1971 Trung Quốc đồng ý gửi cho Việt Nam 7 gói viện trợ, hoàn toàn mang tính chất giúp đỡ, không có điều kiện ràng buộc, tổng trị giá 3,614 tỷ nhân dân tệ, tương đương 48,67% tổng viện trợ nước ngoài của Trung Quốc trong năm đó’.
- [12] Shen, ‘Sino-U.S. Reconciliation and China’s Vietnam Policy’, trang 363.
- [13] Shu, ‘Beijing’s Aid to Hanoi and the U.S.–China Confrontations’, trang 217.
- [14] Bộ Ngoại thương, “Báo cáo hàng tuần về hợp tác khoa học kỹ thuật và thiết bị toàn bộ với Trung Quốc từ ngày 25/2 đến ngày 1/3/1972.” Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 70-75.
- [15] Xem Li, ‘Vietnam and Chinese Policy Toward the United States’, trang 176–208, and Chen, ‘China,the Vietnam War and Sino-American Rapprochement’, trang 56–7.
- [16] Bộ Ngoại Giao, Vụ Á Châu 1, Hà Nội, ngày 13/5/1972. ‘Nội dung đồng chí Nguyễn Duy Trinh nói với Đại Sứ Trung Quốc Vương Âu Bình tối ngày 12/5/1972’.Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 36-42
- [17] Như trên.
- [18] Phòng Phủ Thủ Tướng. ‘Thư của Phó Thủ Tướng Lê Thanh Nghị gửi Phó Thủ Tướng lý Tiên Niệm tháng 9/1972’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ số 8964, trang 55–67.
- [19] Phòng Phủ Thủ Tướng. ‘Thư của Thủ Tướng Phạm Văn Đồng gửi Thủ Tướng Chu Ân Lai ngày 15/8/1972.’ Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 43–8.
- [20] Xem Qiang, *China and the Vietnam Wars*, trang 1950–1975, trang 136; và Li, ‘Vietnam and Chinese Policy Toward the United States’, trang 184. Zhai và Li trích từ nguồn Trung Quốc, Li Ke và Hao Shengzhang, *Wenhua dageming zhong de remin jiefangjun*, trang 416.
- [21] Phan Trong Tuệ, ‘Báo cáo về chuyến đi công tác Bắc Kinh từ ngày 1 đến 12/3/1974’ Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9558, trang 145.
- [22] Bộ ngoại Thương, ‘Báo cáo hàng tuần về hợp tác khoa học kỹ thuật và thiết bị toàn bộ với Trung Quốc từ ngày 25/2 đến 1/3/1972’, trang 75.
- [23] Như trên, trang 76.
- [24] Như trên.

- [25] Phòng Phủ Thủ Tướng. ‘Báo cáo của Hoàng Văn Diệm gửi anh Tô, anh Nghị, anh Côn, anh Mười, Nguyễn Lâm ngày 10/2/1973.’ Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9559, trang 23–4.
- [26] Văn Trọng báo cáo công tác thăm Trung Quốc từ 19/8 đến 2/10/1972’ Trung Tâm Lưu trữ Quốc Gia III, Phòng Thủ Tướng, Hồ sơ 8985, trang 40–43.
- [27] Như trên, trang 26–7.
- [28] Li, ‘The Sino-Soviet Dispute over Assistance for Vietnam’s War’, trang 305.
- [29] Bộ ngoại Giao gửi cho Bộ Chính Trị ngày 26/3/1973. Đề nghị cho các cán bộ Bộ ngoại Giao Nhật Bản thăm Việt Nam’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ Sơ 9004, trang 100–102. Đề nghị này được duyệt bởi Nguyễn Duy Trinh [Phó Thủ Tướng, bộ Trưởng Bộ ngoại Giao, và thành viên Bộ Chính Trị], vào ngày 2/4/1973. Ba cán bộ ngoại giao Nhật Bản là 1) W. Miyake, Vụ Trưởng Vụ Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương, BNG (đã thăm Việt Nam gần nhất vào tháng 2/1972, 2) K. Inowe, chuyên gia về Việt Nam của Vụ Đông Nam Á I, Bộ Ngoại Giao (lần gần nhất thăm Việt Nam vào tháng 2), 3) I. Uchida, chuyên viên Vụ Hợp tác Kinh tế, Bộ Ngoại Giao.
- [30] Như trên, trang 108–9.
- [31] Lý Ban gửi cho Phó Thủ Tướng ngày 6/4/1973. ‘Về gửi cán bộ đi học rút kinh nghiệm ngoại thương của Trung Quốc với các nước tư bản’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 110–12.
- [32] Phan Trọng Tuệ gửi Thường vụ Hội Đồng Chính Phủ ngày 15/3/1974. ‘Báo cáo về chuyên công tác Bắc Kinh từ ngày 1 đến ngày 12/3/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9561, trang 141–5. Phan Trọng Tuệ là Phó Thủ Tướng Việt Nam DCCCH, Thiếu Tướng Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, Chủ Tịch Ban Giao Thông Liên Lạc TW Đảng, và Ủy Viên Trung Ương. Ông được Bộ Chính trị Đảng Lao Động Việt Nam ủy quyền thảo luận với lãnh đạo Trung Quốc về các biện pháp đẩy nhanh phân phát hàng hóa cho miền Bắc Việt Nam.
- [33] Li, ‘The Sino-Soviet Dispute over Assistance for Vietnam’s War’, trang 305.
- [34] Như trên, trang 306–7.
- [35] Như trên, trang 305–6.
- [36] Như trên, trang 308–9.
- [37] Như trên, trang 310–11
- [38] Để chuyển nhiên liệu, Trung Quốc dẫn 2 ống dẫn dầu đường kính bốn inch (công suất chuyển dầu cho Bắc Việt Nam 1.200 tấn một ngày) dọc theo đường sắt Việt Nam –

Trung Quốc từ Bằng Tường [Trung Quốc] đến trạm phân phối xăng dầu tại Kép, đông bắc Hà Nội. Xem Pike, ‘North Vietnam in Year 1972’, trang 55.

- [39] Phan Trọng Tuệ gửi Thường Vụ Hội Đồng Chính Phủ ngày 15/3/1974. ‘Lược ghi biên bản hội đàm giữa đồng chí Phan Trọng Tuệ nói với đồng chí Lý Cường, tại Bộ Ngoại Thương lúc 4 giờ chiều ngày 7/3/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9561, trang 122–4. Phía Trung Quốc là Lý Cường và Vương Bình (Wang Bin), và phía Việt Nam là Phan Trọng Tuệ, Đại Sứ Việt Nam DCCCH Ngô Thuyền và các quan chức khác gồm Man Thân, Lê Tuấn, Lê Quang Tương, Hiền, Nguyễn Đình Bảng.
- [40] Phan Trọng Tuệ, ‘Lược ghi biên bản hội đàm giữa đồng chí Phan Trọng Tuệ nói với đồng chí Lý Cường, tại Bộ Ngoại Thương lúc 4 giờ chiều ngày 7/3/1974’, trang 120–22.
- [41] Nghiêm Bá Đức, Thứ Trưởng Bộ Ngoại Thương, gửi cho Phó Thủ Tướng ngày 29/6/1973. ‘Báo cáo (số 243/BNgT/KV) tình hình hàng nhập qua đường biển và đề nghị cho cử người sang Trung Quốc đối chiếu kế toán cụ thể bàn kế hoạch đưa số lượng còn lại về nước’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 119–20.
- [42] Phan Trọng Tuệ, ‘Báo cáo về chuyến đi công tác Bắc Kinh từ ngày 1 đến ngày 12/3/1974’, trang 145–8.
- [43] Như trên, trang 120.
- [44] Như trên, trang 121.
- [45] Nghiêm Bá Đức, Thứ Trưởng Bộ Ngoại Thương, 26/6/1973. ‘Báo cáo tình hình hàng nhập qua đường biển và đề nghị cho cử người sang Trung Quốc’, trang 119–20.
- [46] Như trên, trang 120.
- [47] Như trên, trang 122.
- [48] Đất nông nghiệp ở miền Bắc ít màu mỡ hơn đất nông nghiệp ở miền Nam, và vì vậy, đối với việc trồng lúa ở miền Bắc, nông dân cần dùng nhiều phân bón hơn cho cùng một lượng gạo sản xuất ra.
- [49] Trích hội đàm giữa Phan Trọng Tuệ và Lý Cường ngày 7/3/1974. Xem Phan Trọng Tuệ, ‘Lược ghi biên bản hội đàm giữa đồng chí Phan Trọng Tuệ nói với đồng chí Lý Cường tại Bộ Ngoại Thương lúc 4 giờ chiều ngày 7/3/1974, trang 122–40.
- [50] Phan Trọng Tuệ gửi văn phòng Phủ Thủ Tướng ngày 15/3/1974. ‘báo cáo về chuyến đi công tác Bắc Kinh từ ngày 1 đến ngày 12/3/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9558, trang 141–50. Thư của Phạm Văn Đồng được gửi đến Chu Ân Lai ngày 4/3/1974.

- [51] Như trên, trang 142.
- [52] Như trên, trang 149–50.
- [53] Qiang, *China and the Vietnam Wars*, trang 207.
- [54] Phan Mỹ, Bộ Trưởng Chủ nhiệm văn phòng Phủ Thủ Tướng gửi cho Ủy ban kế Hoạch Nhà Nước ngày 30/7/1973. ‘Gửi đại diện ta đi Trung Quốc’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 115–17.
- [55] Morris, ‘The Soviet–Chinese–Vietnamese Triangle in the 1970s’, trang 413–14.
- [56] Thư Lê Thanh Nghị gửi đồng chí Ngô Thuyền, Đại sứ Việt nam tại Trung Quốc, và đồng chí Nguyễn Chanh, Thứ trưởng Bộ Ngoại Thương, ngày 24/9/1975. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, hồ sơ 9562, trang 46–8.
- [57] Phan Trọng Tuệ gửi Thường Vụ Hội Đồng Chính Phủ ngày 15/3/1974. ‘Đề cương để đồng chí Phan Trọng Tuệ nói chuyện với đồng chí Phương Nghị ngày 6/3/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III. Phòng Phủ Thủ Tướng, hồ sơ 9561, trang 94–95.
- [58] Như trên, trang 98–9.
- [59] Như trên, trang 102.
- [60] Phan Trọng Tuệ, ‘Báo cáo về chuyến đi công tác Bắc Kinh từ ngày 1 đến ngày 12/3/1974’, trang 148.
- [61] Phan Trọng Tuệ, ‘Đề cương để đồng chí Phan Trọng Tuệ nói chuyện với đồng chí Phương Nghị ngày 6/3/1974, trang 77–8.
- [62] Phòng Phủ Thủ Tướng, ‘bài phát biểu của Phó Thủ Tướng Lý Tiên Niệm trong dịp đoàn đại biểu hợp tác khoa học kỹ thuật của Việt Nam sang Trung Quốc ngày 23/3/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, hồ sơ 9565, trang 1–3. Bài phát biểu được nộp cho và nhận bởi Thủ Tướng (Phạm Văn Đồng) ngày 26/4/1974.
- [63] Phan Trọng Tuệ. ‘Báo cáo về chuyến đi công tác Bắc Kinh từ ngày 1-12/3/1974’, trang 149.
- [64] Phan Trọng Tuệ, ‘Biên bản tiếp xúc giữa Thủ Tướng Chu Ân Lai và đồng chí Phan Trọng Tuệ, ủy viên Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam, Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải từ lúc 21h40 ngày 4/3/1974 đến 1h20 ngày 5/3/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9558, trang 27–30.
- [65] Như trên.
- [66] Như trên.
- [67] Như trên, trang 26.

- [68] Như trên, 27.
- [69] Như trên, 29–30.
- [70] Nguyễn Văn Biên, trưởng đoàn chuyên viên, Ủy ban kế hoạch nhà nước ngày 20/9/1974. ‘Báo cáo tình hình và kết quả làm việc với Bộ Liên Lạc Kinh Tế Đối ngoại Trung Quốc từ ngày 26/8/1974 đến ngày 5/9/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9559, trang 31–4. Nguyễn Văn Biên được Lê Thanh Nghị, Phó Thủ Tướng và Chủ Tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, chỉ đạo dẫn đầu đoàn đại biểu kinh tế Việt Nam và hội đàm với Han Sunzhen và Yang Yong Jie, Thứ trưởng phụ trách Quan hệ Kinh tế Đối ngoại tại Bắc Kinh từ ngày 31/8 đến ngày 5/9/1975.
- [71] Như trên, trang 34.
- [72] Như trên, trang 35–40.
- [73] Hoàng Văn Diệm, Phó chủ nhiệm Phủ Thủ Tướng gọi cho Lê Văn Lương ngày 18/2/1971. ‘Báo cáo tóm tắt tình hình viện trợ kinh tế và kỹ thuật của Trung Quốc cho Việt Nam từ năm 1955 đến nay (2/1971)’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 68–76.
- [74] Nguyễn Văn Biên, Trưởng đoàn khảo sát, gọi Văn Phòng Phủ Thủ Tướng và Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước, Hà Nội, ngày 5/3/1974. ‘Báo cáo công tác khảo sát và đàm phán về công trình lọc dầu tại Trung Quốc từ ngày 16/12/1973 đến 18/2/1974’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, hồ sơ 9509, trang 55–60.
- [75] Như trên, trang 61–2.
- [76] Như trên, trang 70–72.
- [77] Lý Ban gọi Đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Nguyễn Duy Trinh, đồng chí Lê Thanh Nghị, Đồng chí Phan Trọng Tuệ, Đồng chí Đỗ Mười, Đồng chí Đặng Việt Châu, Đồng chí Phan Mỹ, ngày 19/3/1975. ‘Báo cáo nội dung buổi gặp giữa Đồng chí Vương Bình Thân, Cục trưởng Cục Đối Ngoại Bộ Nhiên Liệu Hóa Chất Trung Quốc và Đồng chí Hoàng Trọng Đại, Giám Đốc Tổng Công Ty Nhập Khẩu Thiết Bị Toàn Bộ thuộc Bộ Ngoại Thương’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ Sơ 9509, trang 86–7.
- [78] Lý ban gọi Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Đồng chí Lê Thanh Nghị, Đồng chí Đỗ Mười, Đồng chí Phan Trọng Tuệ, ngày 29/3/1975. ‘Báo cáo tóm tắt về kết quả đàm phán về công trình lọc dầu với đoàn chuyên gia Trung Quốc’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9834, trang 11.
- [79] Như trên, trang 14.
- [80] Như trên, trang 14–15.
- [81] Như trên

- [82] Nguyễn Xuân Trúc – VP9, ngày 28/11/1975. ‘Báo cáo kết quả đàm phán kinh tế với 8 nước XHCN cho 5 năm 1976-1980’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9921, trang 1. Báo cáo này được nộp cho Bộ Chính Trị Đảng Lao Động để xem xét.
- [83] Hoàng Văn Diệm, Phó Chủ Nhiệm Phủ Thủ Tướng gửi Lê Văn Lương ngày 28/2/1975. ‘Dự kiến xuất khẩu dài hạn với Trung Quốc từ 1976 đến 1980’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng. Hồ sơ, 8964, trang 77–82.
- [84] Lê Thanh Nghị gửi Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ngày 31/8/1975. ‘Báo cáo kết quả đàm phán kinh tế năm 1976 với Trung Quốc’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ Sơ 10088, trang 164–5.
- [85] Bộ Ngoại Thương gửi cho Phòng Phủ Thủ Tướng ngày 29/09/1975. ‘Biên bản làm việc giữa đồng chí Lý ban và đồng chí Trần Khiết ngày 16/09/1975.’ Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 10088, trang 15–18.
- [86] Mao Zedong and Le Duan, 24 September 1975, in Westad et al., *77 Conversations*, trang 192.
- [87] Deng Xiaoping and Le Duan, 29 September 1975, in Westad et al., *77 Conversations*, trang 192.
- [88] Teiwes and Sun, *The End of the Maoist Era*, trang 240–41.
- [89] Như trên, trang 252.
- [90] Lý Ban gửi cho Phó Thủ Tướng ngày 10/11/1975. ‘Báo cáo kết quả đàm phán kinh tế với Trung Quốc năm 1975 từ ngày 13/08 - 08/11/1975.’ Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 10088, trang 21–2.
- [91] Như trên, trang 23.
- [92] Qiang, ‘China and the Cambodian Conflict, 1970–75’, trang 392–3.
- [93] Xem Nguyễn Xuân Trúc, ‘Báo cáo kết quả đàm phán kinh tế với 8 nước XHCN cho 5 năm 1976-1980’, ngày 28/11/1975, trang 24.
- [94] Như trên, trang 25.
- [95] Như trên, trang 16–17.

Tài liệu tham khảo

Các tài liệu đã xuất bản

Chen, Jian. *Mao's China and the Cold War*. Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2001.

- . ‘China, the Vietnam War, and the Sino-American Rapprochement, 1968–1974’. In *The Third Indochina War Conflict between China, Vietnam and Cambodia, 1972–79*, edited by Odd Arne Westad and Sophie Quinn-Judge, 33–64. New York: Routledge, 2006.
- Li, Danhui. ‘Vietnam and Chinese Policy Toward the United States’. In *Normalization of U.S.-China Relations*, edited by William C. Kirby, Robert S. Ross and Gong Li, 175–208. Cambridge, MA: Harvard University Press, 2005.
- . ‘The Sino-Soviet Dispute over Assistance for Vietnam’s Anti-American War, 1965–1972’. Ch. 8 in *Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia*, edited by Priscilla Roberts, 289–318. Stanford, CA: Stanford University Press, 2006.
- Li Ke, and Hao Shengzhang. *Wenhua dageming zhong de remin jiefangjun [The PLA in the Cultural Revolution]*. Beijing: Zhonggong dagshi ziliao chubanshe, 1989.
- Luthi, Lorenz M. *The Sino-Soviet Split: Cold War in the Communist World*. Princeton, NJ: Princeton University Press, 2008.
- Ma, Jisen. *The Cultural Revolution in the Foreign Ministry of China*. Hong Kong: The Chinese University Press, 2004.
- MacFarquhar, Roderick, and Michael Schoenhals. *Mao’s Last Revolution*. Cambridge, MA: The Belknap Press of Harvard University Press, 2006.
- Morris, Steven J. ‘The Soviet–Chinese–Vietnamese Triangle in the 1970s: The View from Moscow’. Ch. 12 in *Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia*, edited by Priscilla Roberts, 405–32. Stanford, CA: Stanford University Press, 2006.
- Pike, Douglas. ‘North Vietnam in Year 1972’. *Asian Survey* 13, no. 1 (January 1973): 46–59.
- Qiang, Zhai. *China and the Vietnam Wars, 1950–1975*. Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2000.
- . ‘China and the Cambodian Conflict, 1970–1975’. Ch. 11 in *Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia*, edited by Priscilla Roberts, 369–404. Stanford, CA: Stanford University Press, 2006.
- Schoenhals, Michael, ed. *China’s Cultural Revolution, 1966–69: Not A Dinner Party*. Armonk, NY: M.E. Sharpe, 1996.

Shen, Zhihua. 'Sino-U.S. Reconciliation and China's Vietnam Policy'. Ch. 10 in *Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia*, edited by Priscilla Roberts, 349–68. Stanford, CA: Stanford University Press, 2006.

Shu, Guang Zhang. 'Beijing's Aid to Hanoi and the United States-China Confrontations, 1964–1968'. Ch. 7 in *Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia*, edited by Priscilla Roberts, 259–87. Stanford, CA: Stanford University Press, 2006.

Teiwes, Frederick C., and Warren Sun. *The End of the Maoist Era: Chinese Politics During the Twilight of the Cultural Revolution, 1972–1976*. Armonk, NY: M.E. Sharpe, 2007.

Westad, Odd Arne, Jian Chen, Stein Tonnesson, Vu Tung Nguyen and James G. Hersberg, eds. *77 Conversations between Chinese and Foreign Leaders on the Wars in Indochina, 1964–1977*. Washington, DC: Woodrow Wilson Center, Cold War International History Project Working Paper no. 22, May 1998.

Nguồn tài liệu lưu trữ của Việt Nam

Bộ Ngoại Giao gửi cho Bộ Chính Trị ngày 26/3/1973, 'Đề nghị cho ba cán bộ ngoại giao Nhật bản thăm Việt Nam' Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 100–109.

Bộ ngoại Giao, Vụ Á Châu 1, Hà Nội, ngày 13/5/1972, 'Nội dung đồng chí Nguyễn Duy Trinh nói với Đại sứ Trung Quốc Vương Âu bình tối ngày 12/5/1972', Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 36–42.

Bộ Ngoại Thương gửi cho Phòng Phủ Thủ Tướng ngày 29/9/1975. 'Biên bản làm việc giữa Đồng chí Lý Ban và đồng chí Trần Khiết ngày 16/9/1975', Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 10088, trang 12–20.

Bộ Ngoại Thương gửi cho Phủ Thủ Tướng [không đề ngày], 'báo cáo hàng tuần về hợp tác khoa học và thiết bị toàn bộ với Trung Quốc từ ngày 25/2 đến ngày 1/3/1972'. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 70–86.

Hoàng Văn Diệm, Phó Chủ Nhiệm Phủ Thủ Tướng gửi Lê Văn Lương, ngày 28/2/1971. Dự kiến kế hoạch xuất khẩu dài hạn với Trung Quốc từ 1976 đến 1980. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 77–82.

Hoàng Văn Diệm, Phó Chủ Nhiệm Phủ Thủ Tướng gửi cho Lê Văn Lương ngày 18/2/1971. 'Báo cáo tóm tắt tình hình viện trợ kinh tế và kỹ thuật của Trung Quốc cho Việt nam từ năm 1955 đến nay (2/1971)'. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 68–76.

Lê Thanh Nghị gửi Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ngày 31/8/1975, ‘Náo cáo kết quả đàm phán kinh tế năm 1976 với Trung Quốc’, ‘Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Hồ sơ 10088, trang 163–73.

Lý Ban gửi cho Phủ Thủ Tướng ngày 10/11/1975. ‘Báo cáo kết quả đàm phán kinh tế với Trung Quốc năm 1975 từ ngày 13/08 – 08/11/1975’. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 10088, trang 21–25.

Lý Ban gửi cho Phủ Thủ Tướng ngày 6/4/1973 (khẩn). Về gửi cán bộ đi học rút kinh nghiệm ngoại thương của Trung Quốc với các nước tư bản. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 110–12.

Lý Ban gửi đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Đồng chí Lê Thanh Nghị, Đồng chí Phan Trọng Tuệ, Đồng chí Đỗ Mười, Đồng chí Đặng Việt Châu, Đồng chí Phan Mỹ, ngày 19/3/1975. ‘Báo cáo nội dung buổi gặp giữa đồng chí Vương Bình Thân, Cục trưởng đối ngoại bộ Nhiên Liệu Hóa Chất Trung Quốc và Đồng chí Hoàng Trọng Đại, giám đốc Tổng Công Ty Nhập Khẩu Thiết Bị Toàn Bộ thuộc bộ Ngoại Thương. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9509, trang 86–90.

Lý Ban gửi Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Đồng chí Lê Thanh Nghị, Đồng chí Đỗ Mười, Đồng chí Phan Trọng Tuệ, ngày 29/3/1975. ‘Báo cáo tóm tắt về kết quả đàm phán về công trình lọc dầu với đoàn chuyên gia Trung Quốc. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9834, trang 11–15.

Nghiêm Bá Đức, Thứ Trưởng Bộ Ngoại Thương gửi Phòng Phủ Thủ Tướng vào ngày 29/6/1973. ‘Báo cáo (số 243/BNgT/KV) tình hình hàng nhập quá cảnh đường biển và đề nghị cho cử người sang Trung Quốc đối chiếu kế toán cụ thể, bàn kế hoạch đưa số lượng hàng còn lại về nước. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 119–22.

Nguyễn Văn Biên, Trưởng đoàn khảo sát gửi Văn Phòng Phủ Thủ Tướng và Ủy ban Kế Hoạch Nhà Nước, Hà Nội, ngày 5/3/1974. ‘Báo cáo công tác khảo sát và đàm phán về công trình lọc dầu tại Trung Quốc từ ngày 16/2/1973 đến 18/2/1974. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9509, trang 55–75.

Nguyễn Văn Biên, Trưởng đoàn chuyên viên, Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước, ngày 20/9/1974. Báo cáo tình hình về kết quả làm việc với Bộ Liên Lạc Kinh Tế Đối ngoại Trung Quốc từ ngày 26/8/1974 đến ngày 5/9/1974. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9559, trang 31–40.

- Nguyễn Xuân Trúc, VP9, ngày 28/11/1975 ‘Báo cáo kết quả đàm phán kinh tế với 18 nước XHCN cho 5 năm 1976-1980, Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9921, trang 1–51.
- Phan Mỹ, Bộ Trưởng Chủ Nhiệm Văn Phòng Thủ Tướng gửi cho Ủy ban Kế Hoạch Nhà Nước ngày 30/7/1973. ‘Gởi đại diện ta đi Trung Quốc.Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9004, trang 115–17.
- Phan Trọng Tuệ gửi Thường Vụ Hội Đồng Chính Phủ ngày 15/3/1974.‘Báo cáo về chuyến đi công tác Bắc Kinh từ ngày 1 đến 12/3/1974.Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9561, trang 141–50.
- Phan Trọng Tuệ gửi Thường vụ Hội đồng Chính Phủ ngày 15/3/1974.Lược ghi biên bản hội đàm giữa Đồng chí Phan Trọng Tuệ nói với Đồng chí Lý Cường tại Bộ ngoại thương lúc 4 giờ chiều ngày 7/3/1974.Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9561, trang 122–40.
- Phan Trọng Tuệ gửi Thường Vụ Hội Đồng Chính Phủ ngày 15/3/1974.‘Đề cương đề đồng chí Phan Trọng Tuệ nói với đồng chí Phương nghị ngày 6/3/1974.Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9561, trang 77–109.
- Phan Trọng Tuệ gửi văn phòng Phủ Thủ Tướng, ngày 15/3/1974.‘Biên bản tiếp xúc giữa Thủ Tướng Chu Ân Lao và Đồng chí Phan Trọng Tuệ, Ủy viên Trung ương, Đảng Lao Động Việt Nam, Bộ Trưởng Bộ Giao Thông Vận Tải từ lúc 21h40 ngày 4/3/1974 đến 1h20 ngày 5/3/1974. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9558, trang 27–37.
- Phan Trọng Tuệ gửi Phòng Phủ Thủ Tướng ngày 15/3/1974.‘Báo cáo về chuyến đi công tác Bắc Kinh từ ngày 1 đến ngày 12/3/1974.Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, hồ sơ 9558, trang 141–50.
- Phòng Phủ Thủ Tướng. ‘Báo cáo Hoàng Văn Diệm gửi anh Tô, anh Nghị, Anh Côn, anh Mười, Nguyễn Lâm ngày 10/2/1973. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, hồ sơ 9559, trang 23–30.
- Phòng Phủ Thủ Tướng. ‘Thư của Phó Thủ Tướng Lê Thanh Nghị gửi Phó Thủ Tướng Lý Tiên Niệm tháng 9/1972.’ Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 55–67.
- Phòng Phủ Thủ Tướng. ‘Thư của Thủ Tướng Phạm Văn Đồng gửi Thủ Tướng Chu Ân Lai ngày 15/8/1972.’ Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8964, trang 43–8.
- Thư Lê Thanh Nghị gửi Đồng chí Ngô Thuyền, Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc và Đồng chí Nguyễn Chanh, Thứ trưởng Bộ ngoại thương ngày 24/9/1975.Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Phủ Thủ Tướng, Hồ sơ 9562, trang 46–8.

Văn Trọng, Trường viện Khảo Cổ và Khoa học xã hội gửi cho Thủ Thủ Tướng ngày 20/10/1972 “Báo cáo công tác và thu hoạch của đoàn đại biểu Viện Khảo Cổ và Khoa Học Xã Hội thăm Trung Quốc từ 19/8 đến 2/10 năm 1972. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia III, Phòng Thủ Thủ Tướng, Hồ sơ 8985, trang 01–44.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Biên dịch & Hiệu đính: Nguyễn Thị Bảo Trân

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.